Ngày giảng: ngày 8 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 1:**

**Tiết 1:** **ÔN TẬP**

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức:**

- Giúp học sinh ôn tập lại một số kiến thức về câu phân loại theo cấu tạo đã học ở lớp 5.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng xác định và phân loại câu theo cấu tạo.

**3. Thái độ:**

- HS có thái độ ôn tập tốt.

**II. Nội dung ôn tập**

**1. Quan hệ từ**

***a) Ghi nhớ*** :

- QHT là từ nối các từ ngữ hoặc các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa những từ ngữ hoặc những câu ấy với nhau.

- Các QHT thường dùng là : ***và, với, hay, hoặc, nhưng ,mà, thì, của, ở, tại, bằng, như, để, về,...***

- Nhiều khi, từ ngữ trong câu được nối với nhau bằng 1 cặp QHT. Các cặp QHT thường dùng là :

+ ***Vì...nên...; Do...nên...; Nhờ ...nên...*** ( biểu thị quan hệ nguyên nhân- kết quả ).

+ ***Nếu ...thì...; Hễ... thì***... (biểu thị quan hệ giả thiết, điều kiện - kết quả ).

+ ***Tuy ...nhưng...; Mặc dù... nhưng***... (biểu thị quan hệ tương phản, nhượng bộ, đối lập ).

+ ***Không những... mà còn...; Không chỉ... mà còn...*** (biểu thị quan hệ tăng tiến)

**b)Bài tập thực hành :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 1:** Tìm QHT và cặp QHT trong đoạn trích sau và nêu rõ tác dụng của chúng :  Cò và Vạc là hai anh em, nhưng tính nết rất khác nhau. Cò ngoan ngoãn, chăm chỉ học tập, còn Vạc thì lười biếng, suốt ngày chỉ nằm ngủ. Cò bảo mãi mà Vạc chẳng nghe. Nhờ chăm chỉ siêng năng nên Cò học giỏi nhất lớp.  **Bài 2**: Đặt câu với mỗi QHT sau : của , để, do, bằng, với , hoặc. | **\* Gợi ý bài tập**  - QHT và cặp QHT : ***và, nhưng, còn, mà, Nhờ...nên...***  **Tác dụng** :   * ***và*** : nêu 2 sự kiện song song. * ***nhưng, còn , mà*** : neu sự đối lập. * ***Nhờ...nên*** : biểu thị quan hệ nguyên nhân - kết quả.   **\* Gợi ý bài tập**  - Chiếc áo của Lan đã ngắn.  - Tôi nói vậy để anh xem xét.  - Cây nhãn này do ông em trồng.  - Chiếc bàn này được làm bằng gỗ**.** |

**2. Từ đồng nghĩa**

**a) Ghi nhớ**

**\* TĐN** là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau . Có thể chia TĐN thành 2 loại :

- ***TĐN hoàn toàn*** (*đồng nghĩa tuyệt đối* ) : Là những từ có nghĩa hoàn toàn giống nhau, được dùng như nhau và có thể thay thế cho nhau trong lời nói.

**V.D** ***: xe lửa = tàu hoả***

***con lợn = con heo***

- ***TĐN không hoàn toàn*** (*đồng nghĩa tương đối , đồng nghĩa khác sắc thái* ) : Là các từ tuy cùng nghĩa nhưng vẫn khác nhau phần nào sắc thái biểu cảm ( biểu thị cảm xúc , thái độ ) hoặc cách thức hành động. Khi dùng những từ này,ta phải cân nhắc lựa chọn cho phù hợp

**b) Bài tập thực hành**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 1 :**  *Phân biệt sắc thái nghĩa của những từ đồng nghĩa (được gạch chân ) trong các dòng thơ sau :*   1. TRời thu **xanh ngắt** mấy tầng cao. (Nguyễn Khuyến ) 2. Tháng Tám mùa thu **xanh thắm**. ( Tố Hữu ) 3. Một vùng cỏ mọc **xanh rì**. (Nguyễn Du ) 4. Nhớ từ sóng Hạ Long **xanh biếc**. (Chế Lan Viên ) 5. Suối dài **xanh mướt** nương ngô. (Tố Hữu )   **Bài 2:** *Tìm từ lạc trong dãy từ sau và đặt tên cho nhóm từ còn lại :*  a) *Thợ cấy, thợ cày, thợ rèn, thợ gặt, nhà nông, lão nông, nông dân.*  b)*Thợ điện, thợ cơ khí, thợ thủ công, thủ công nghiệp,thợ hàn, thợ mộc,thợ nề, thợ nguội.*  c) *Giáo viên, giảng viên, giáo sư, kĩ sư, nghiên cứu, nhà khoa học, nhà văn, nhà báo.* | **\* Gợi ý bài tập**   1. Xanh một màu xanh trên diện rộng. 2. Xanh tươi đằm thắm. 3. Xanh đậm và đều như màu của cây cỏ rậm rạp. 4. Xanh lam đậm và tươi ánh lên. 5. Xanh tươi mỡ màng.   **\* Gợi ý bài tập**   1. Chỉ nông dân (từ lạc : ***thợ rèn*** ) 2. Chỉ công nhân và người sản xuất thủ công nghiệp ( từ lạc : ***thủ công nghiệp*** ) 3. Chỉ giới trí thức ( từ lạc : ***nghiên cứu*** ) |

**3. Từ nhiều nghĩa**

***a) Ghi nhớ :***

***\* Từ nhiều nghĩa*** là từ có 1 nghĩa gốc và một hay một số nghĩa chuyển. Các nghĩa của từ bao giờ cũng có mối liên hệ với nhau.

***\*Nghĩa đen*** : Mỗi từ bao giờ cũng có một nghĩa chính , nghĩa gốc và còn gọi là nghĩa đen. Nghĩa đen là nghĩa trực tiếp, gần gũi, quen thuộc, dễ hiểu ; nghĩa đen không hoặc ít phụ thuộc vào văn cảnh.

***\* Nghĩa bóng*** : Là nghĩa có sau ( nghĩa chuyển, nghĩa ẩn dụ ), được suy ra từ nghĩa đen. Muốn hiểu nghĩa chính xác của một từ được dùng, phải tìm nghĩa trong văn cảnh.

- Ngoài ra , cũng có một số từ mang tính chất trung gian giữa nghĩa đen và nghĩa bóng, đang chuyển dần từ nghĩa đen sang nghĩa bóng.

**b) Bài tập thực hành**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 1 :** *Dùng các từ dưới đây để đặt câu ( một câu theo nghĩa gốc, một câu theo nghĩa chuyển ) :* ***nhà, đi, ngọt.***  **Bài 2:** *Hãy xác định nghĩa của các từ được gach chân trong các kết hợp từ dưới đây rồi phân chia các nghĩa ấy thành nghĩa gốc và nghã chuyển :*  a)***Miệng*** cười tươi , ***miệng*** rộng thì sang, há ***miệng*** chờ sung, trả nợ ***miệng***, ***miệng*** bát, ***miệng*** túi, nhà 5 **miệng** ăn .  b)Xương ***sườn, sườn*** núi, hích vào ***sườn, sườn*** nhà , ***sườn*** xe đạp, hở ***sườn***, đánh vào ***sườn*** địch .  **Bài 3:** *Trong các từ gạch chân dưới đây, từ nào là từ đồng âm, từ nào là từ nhiều nghĩa :*  a)***Vàng*** :  - Giá ***vàng*** trong nước tăng đột biến .  - Tấm lòng ***vàng*** .  -Chiếc lá ***vàng*** rơi xuống sân trường .  b) ***Bay*** :  - Bác thợ nề đang cầm ***bay*** trát tường.  - Đàn cò đang ***bay*** trên trời .  - Đạn ***bay*** vèo vèo .  - Chiếc áo đã ***bay*** màu | **\* Gợi ý bài tập**  - Nhà tôi đi vắng / Ngôi nhà đẹp quá .  - Em bé đang tập đi / Tôi đi du lịch .  - Quả cam ngọt quá / Chị ấy nói ngọt thật  **\* Gợi ý bài tập**  a)  - *Nghĩa gốc* : ***Miệng*** cười...,***miệng*** rộng... (bộ phận trên mặt người hay ở phần trước của đầu động vật , dùng để ăn và nói . Thường được coi là biểu tượng của việc ăn uống và nói năng của con người : há ***miệng*** chờ sung (ám chỉ kẻ lười biếng, suy ra từ câu chuyện có kẻ muốn ăn sung nhưng do lười biếng nên không chịu đi nhặt mà chỉ nằm há miệng chờ cho sung rụng vào mồm) ; trả nợ ***miệng*** (nợ về việc ăn uống )  - *Nghĩa chuyển* : ***miệng*** bát, *miệng* túi (Phần trên cùng, chỗ mở ra thông với bên ngoài của vật có chiều sâu ) ; nhà 5 ***miệng*** ăn (5 cá nhân trong một gia đình, mỗi người coi như một đơn vị để tính về mặt những chi phí tối thiểu cho đời sống )  b) - *Nghĩa gốc* : xương ***sườn***, hích vào ***sườn*** (Các xương bao quanh lồng ngực từ cột sống đến vùng ức )  - *Nghĩa chuyển* : ***sườn*** nhà, ***sườn*** xe đạp (bộ phận chính làm nòng , làm chỗ dựa để tạo nên hình dáng của vật ) ; hở ***sườn*** , ***sườn*** địch (chỗ trọng yếu , quan trọng )  **\*Gợi ý bài tập**  a)  - Giá ***vàng*** : *Từ nhiều nghĩa* (nghĩa gốc)  - Tấm lòng ***vàng*** : *Từ nhiều nghĩa* (nghĩa chuyển)  - Lá ***vàng*** : *Từ đồng âm*  b)  - Cầm bay ***trát*** tường : *Từ đồng âm*  - Đàn cò ***bay*** : *từ nhiều nghĩa* ( nghĩa gốc )  - Đạn ***bay*** : *từ nhiều nghĩa* ( nghĩa chuyển)  - ***Bay*** màu : *từ nhiều nghĩa* (nghĩa chuyển ) |

Ngày giảng: ngày 7 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 1:**

**Tiết 2:** **ÔN TẬP**

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức:**

- Giúp học sinh ôn tập lại một số kiến thức về câu phân loại theo cấu tạo đã học ở lớp 5.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng xác định và phân loại câu theo cấu tạo.

**3. Thái độ:**

- HS có thái độ ôn tập tốt.

**II. Nội dung ôn tập**

**4. Dấu câu**

***a.Ghi nhớ :*** Dấu câu là kí hiệu chữ viết để biểu thị ngữ điệu khác nhau. Những ngữ điệu này lại biểu thị những quan hệ ngữ pháp khác nhau và những mục đích nói khác nhau.

\*Mười dấu câu thường dùng là: ***Dấu chầm, chấm hỏi, chấm than (chấm cảm), dấu phẩy, chấm phẩy, hai chấm, gạch ngang, ngoặc đơn, ngoặc kép, chấm lửng(ba chấm).***

**1) Dấu chấm:**

Dấu chấm đặt ở cuối câu báo hiệu câu đã kết thúc. Viết hiết câu phải ghi dấu chấm. Khi đọc, gặp dấu chấm phải hạ giọng và nghỉ hơi (nghỉ hơi một quãng bằng khoảng thời gian đọc một chữ). Chữ cái đầu câu phải viết hoa. Dấu chấm thường đặt ở cuối câu kể, đồng thời có khả năng đánh dấu sự kết thúc của một đoạn văn.

**2) Dấu phẩy :**

- Dấu phẩy được đặt xen kẽ trong câu. Một câu có thể có một hoặc nhiều dấu phẩy. Khi đọc, gặp dấu phẩy phải ngắt hơi ngắn (thời gian ngắt hơi bằng bằng nửa quãng nghỉ hơi sau dấu chấm). Dấu phẩy giúp cho các ý, các phần trong câu được phân cách rõ ràng.

- Dấu phẩy dùng để :

+ Tách các bộ phận cùng loại (đồng chức) với nhau.

+ Tách các bộ phận phụ với nòng cốt câu.

+ Tách các vế câu ghép.

**3) Dấu chầm hỏi:**

Dùng đặt cuối câu hỏi. Khi đọc câu có dấu chấm hỏi, cần nhấn mạnh vào nội dung cần hỏi .Thời gian nghỉ lấy hơi sau dấu phẩy như dấu chấm.Sau dấu chầm hỏi, bắt đầu một câu khác, phải viết hoa chữ cái đầu câu.

**4) Dấu chấm than (dấu chấm cảm):**

Là dấu câu dùng để đặt cuối câu cảm hoặc câu khiến.Khi gặp dấu chấm cảm phải nghỉ hơi như dấu chấm.

**5) Dấu chấm phẩy:**

Là dấu dùng đặt giữa các vế câu hoặc các bộ phận đẳng lập với nhau. Khi đọc phải ngắt ở dấu chấm phẩy, ngắt quãng dài hơn so với dấu phẩy và ngắn hơn so với dấu chấm.

**6) Dấu hai chấm:** Là dấu dùng để:

- Báo hiệu lời tiếp theo là lời nói trực tiếp của người khác được dẫn lại (dùng kèm dấu ngoặc kép hoặc dấu gạch đầu dòng).

- Báo hiệu lời tiếp theo là lời giải thích, thuyết minh cho bộ phận đứng trước nó.

**7) Dấu gạch ngang:** Là dấu câu dùng để:

- Đặt trước những câu hội thoại.

- Đặt trước bộ phận liệt kê.

- Dùng để tách phần giải thích với các bộ phận khác của câu.

- Dùng để đặt trước các con số, tên riêng để chỉ sự liên kết.

**8) Dấu ngoặc đơn:** Là dấu câu dùng để:

- chỉ ra nguồn gốc trích dẫn.

- Chỉ ra lời giải thích.

**9) Dấu ngoặc kép**: Dùng để:

- Báo hiệu lời dẫn trực tiếp.

- Đánh dấu tên một tác phẩm.

- Báo hiệu những từ trong ngoặc kép phải hiểu theo nghĩa khác với nghĩa vốn có của nó hoặc hiểu theo nghĩa ngược lại, mỉa mai.

**10) Dấu chấm lửng (dấu ba chấm):** Dùng để :

- Biểu thị lời nói bị đứt quãng vì xúc động.

- Ghi lại những chỗ kéo dài của âm thanh.

- Chỉ ra rằng người nói chưa nói hết.

**b) Bài tập gợi ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài tập 1:** *Trong những câu sau đây, dấu hai chấm có tác dụng gì?*   1. Sự vật xung quanh tôi có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học. 2. Bố dặn bé Lan: “***Con phải học bài xong rồi mới đi chơi đấy***!”.   **Bài 2:***Tách đoạn văn sau ra thành nhiều câu đơn. Chép lại đoạn văn và điền dấu câu thích hợp. Nhớ viết hoa và xuống dòng cho đúng :*  Một con Dê Trắng vào rừng tìm lá non bỗng gặp Sói Sói quát dê kia mi đi đâu Dê Trẵng run rẩy tôi di tìm lá non trên đầu mi có cái gì thế đầu tôi có sừng tim mi thế nào tim tôi đang run sợ...    **Bài 3:** *Điền dấu phẩy, dấu chấm, dấu hai chấm, dấu chấm hỏi và dấu chấm cảm vào chỗ trống sao cho thích hợp:*  Sân ga ồn ào....nhộn nhịp.....đoàn tàu đã đến.....  .....Bố ơi....bố đã nhìn thấy mẹ chưa.......  .....Đi lại gần nữa đi....con....  ....A....mẹ đã xuống kia rồi..... | **\*Gợi ý bài tập**  a) Bắt đầu sự giải thích.  b) Mở đầu câu trích dẫn.    **\* Gợi ý bài tập**  Một con Dê Trắng vào rừng tìm lá non, bỗng gặp Sói. Sói quát:   * Dê kia, mi đi đâu?   Dê Trắng run rẩy:   * Tôi đi tìm lá non. * Trên đầu mi có cái gì thế? * Đầu tôi có sừng. * Tim mi thế nào? * Tim tôi đang run sợ...   **\* Gợi ý bài tập**  Sân ga ồn ào, nhộn nhịp: đoàn tàu đã đến.   * Bố ơi, bố đã nhìn thấy mẹ chưa? * Đi lại gần nữa đi, con! * A, mẹ đã xuống kia rồi! |

Ngày giảng: ngày 15 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 2**

**Tiết 3:** **CON RỒNG CHÁU TIÊN**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Bước đầu nắm được định nghĩ truyền thuyết.

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa và những chi tiết tưởng tượng kì ảo của truyện “Con rồng cháu tiên”.

**2. Kĩ năng**: Đọc văn bản nghệ thuật, nghe kể chuyện.

**3. Thái độ:** Yêu thích văn bản truyền thuyết đã học

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Ôn tập lý thuyết**  - Dựa vào chú thích (★) về định nghĩa truyền thuyết ở trang 7, SGK, hãy trình bày ngắn gọn những đặc điểm tiêu biểu của thể loại này.  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:**  Truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên giải thích, suy tôn nguồn gốc giống nòi và thể hiện ý nguyện đoàn kết, thống nhất cộng đồng của người Việt ở mọi miền đất nước. Theo em, nhận xét đó có đúng không ? Vì sao ?  **Câu 2:** Em hiểu thế nào là chi tiết *tưởng tượng kì ảo?* Hãy nói rõ vai trò của các chi tiết này trong truyện “Con rồng cháu tiên” ?  **Câu 3:** Hãy nêu cảm nghĩ của em về nhân vật Lang Liêu (con của Lạc Long Quân và Âu Cơ) trong truyền thuyết Bánh chưng, bánh giầy? | - HS đọc sách và trả lời câu hỏi  - HS suy nghĩ và trả lời  - HS đọc câu hỏi và suy nghĩ trả lời  - HS nêu cảm nghĩ vân nhân vật Lang Liêu (con của Lạc Long Quân và Âu Cơ) | **I. Lý thuyết**  - Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ.  - Thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo.  - Thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể.  - Nhiều truyền thuyết, nhất là những truyền thuyết về thời đại các vua Hùng, có mối quan hệ chặt chẽ với thần thoại.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Đó là nhận xét đúng. Bởi vì :  - Người Việt coi mình là con cháu của Lạc Long Quân và Âu Cơ - những nhân vật linh thiêng, cao quý, đẹp đẽ về nguồn gốc và hình dạng, đồng thời cũng là những nhân vật thực hiện sự nghiệp mở nước vĩ đại.  - Người Việt, dù ở miền xuôi hav miền ngược, dù ở đồng bằng, miền núi hay ven biển, đều cùng chung cội nguồn, đều là con cháu của Lạc Long Quân và Âu Cơ, khi có việc gì đều giúp đỡ lẫn nhau.  **Câu 2:**  - Khái niệm chi tiết tưởng tượng kì ảo có nhiều nghĩa nhưng ở đây được hiểu là chi tiết không có thật, được tác giả dân gian sáng tạo ra nhằm mục đích nhất định.  - Một số chi tiết tưởng tượng kì ảo trong truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên : những chi tiết về nguồn gốc kì lạ, khả năng phi thường của Lạc Long Quân và Âu Cơ ; về bọc trăm trứng nở ra một trăm người con ; đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, khoẻ mạnh như thần ; ...  - Vai trò, ý nghĩa của các chi tiết tưởng tượng kì ảo này :  + Tô đậm tính chất kì lạ, lớn lao, đẹp đẽ của các nhân vật, sự kiện ;  + Thần kì hoá, linh thiêng hoá nguồn gốc giống nòi để chúng ta thêm tự hào, tôn kính tổ tiên ;  + Làm tăng sức hấp dẫn của tác phẩm.  **Câu 3:**  - Nêu cảm nghĩ nhân vật Lang Liêu phải gắn với cuộc đời, phẩm chất của nhân vật  + Trong các con vua, Lang Liêu là người "thiệt thòi nhất".  + Lang Liêu có tài đức hơn hẳn các lang khác. Tuy là con vua nhưng chàng sống như một dân thường, "chỉ chăm lo việc đồng áng, trồng lúa, trồng khoai". Chàng lo có được lễ vật xứng đáng để lễ Tiên vương hơn là để tranh ngôi báu. Đặc biệt, chàng là người duy nhất hiểu được ý vua cha khi vua mở cuộc đua tài dâng lễ vật nhân ngày lễ Tiên vương. Chàng cũng là người thực hiện được ý thần để các lễ vật làm ra thật giàu ý nghĩa.  + Hình ảnh Lang Liêu gắn với nguồn gốc bánh chưng, bánh giầy, thể hiện rõ sự đề cao nghề nông và việc thờ kính Trời, Đất, tổ tiên của nhân dân ta. Sâu xa hơn, hình ảnh Lang Liêu phản ánh sự tìm tòi sáng tạo và những thành quả của nhân dân trong quá trình xây dựng nền văn hoá dân tộc |

***4. Củng cố:***

**-** Trong truyện có những yếu tố kỳ lạ, tưởng tượng nào?

- Có những nhân vật lịch sử nào? sự kiện lịch sử trong truyện là gì?

Ngày giảng: ngày 15 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 2**

**Tiết 4:**  **TỪ VÀ CẤU TẠO TIẾNG VIỆT**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức :** Giúp học sinh hiểu được thế nào là từ và đặc điểm cấu tạo từ tiếng Việt, cụ thể là khái niệm về từ

**2. Kĩ năng :** Hs nhận biết và đếm được chính xác số lượng từ trong câu. Hiểu được nghĩa từ ghép trong TV

**3. Thái độ:** Yêu Tiếng Việt

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: đọc bài

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học***:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung bài học** |
| **Hoạt động 1: Ôn tập lý thuyết**  - Gv yêu cầu hs đọc Sgk  - Phân biệt giữa từ và tiếng  - Khi nào một tiếng được coi là từ?  - Từ là gì?  - Từ đơn và từ phức khác nhau như thế nào?  - Các loại từ phức có gì khác nhau về cấu tạo?  **Hoạt động 2: Luyện tập kĩ năng**  **Câu 1:** Đọc câu sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:  “ [...] *Người Việt Nam ta - con cháu vua Hùng - khi nhắc đến nguồn gốc của mình, thường xưng là con Rồng, cháu Tiên”*  a) Các từ nguồn gốc, con cháu thuộc kiểu cấu tạo từ nào?  b) Tìm những từ đồng nghĩa với từ nguồn gốc trong câu trên.  c) Tìm thêm các từ ghép chỉ quan hệ thân thuộc theo kiểu: Con cháu, anh chị, ông bà...  **Câu 2:** Hãy nêu quy tắc sắp xếp các tiếng trong từ ghép chỉ quan hệ thân thuộc.  **Câu 3:** Tổ chức trò chơi thi tìm nhanh các từ láy:  a) Tả tiếng cười  b) Tả tiếng nói  c) Tả dáng điệu.  d) Gợi tả hình ảnh, hình dáng của người, vật  e) Gợi tả màu sắc, mùi vị  f) Tả sự lặp đi lặp lại các động tác, khiến cho từ láy có giá trị gợi hình cụ thể  g) Gợi tả sự đứt đoạn, không liên tục nhưng tuần hoàn. | - HS phân biệt  - HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời  - HS trả lời sự khác nhau giữa từ đơn và từ phức  - HS trả lời câu hỏi  - Hs đọc Sgk và thực hiện bài tập  - Hs nêu quy tắc  - Hs chơi trò chơi tìm từ láy | **I. Lý thuyết**  - Phân biệt giữa từ và tiếng:  + *Tiếng* dùng để cấu tạo nên từ. Từ được tạo bởi một hoặc hai tiếng trở lên.  + *Từ* dùng để cấu tạo nên câu. Vai trò của từ được thể hiện trong mối quan hệ với các từ khác trong câu.  - Một tiếng nào đấy được coi là từ chỉ khi nó có khả năng tham gia cấu tạo câu. Tiếng mà không dùng được để cấu tạo câu thì cũng không mang ý nghĩa nào cả và như thế không phải là từ.  - *Từ* là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất dùng để đặt câu  - Từ đơn và từ phức khác nhau là:  + Từ đơn là từ chỉ gồm một tiếng;  + Từ phức là từ gồm ít nhất hai tiếng  - Từ phức có hai loại khác nhau theo cấu tạo là *từ ghép* và *từ láy*.  + *Từ ghép* là những từ được cấu tạo bằng cách ghép những tiếng lại với nhau. Các tiếng được ghép ấy có quan hệ với nhau về ý nghĩa.  + *Từ láy*là những từ được cấu tạo bằng cách láy lại (điệp lại) một phần hay toàn bộ âm của tiếng ban đầu.  **II. Luyện tập**  **Câu 1**  a) Các từ nguồn gốc, con cháu thuộc kiểu từ ghép.  b) Từ đồng nghĩa với nguồn gốc: Cội nguồn, gốc gác, tổ tiên, nòi giống, gốc rễ...  c) Từ ghép chỉ quan hệ thân thuộc: Cậu mợ, cô dì, chú cháu, anh em, cha con, vợ chồng...  **Câu 2:**  Khả năng sắp xếp:  - Theo giới tính (nam, nữ): Ông bà, cha mẹ, cậu mợ, chú thím...  - Theo bậc (trên dưới): Bác cháu, chị em, dì cháu, bà cháu, mẹ con...  **Câu 3:**  a) Tả tiếng cười: Khúc khích, sằng sặc, hô hố, ha hả, khanh khách...  b) Tả tiếng nói: Khàn khàn, nhè nhẹ, thỏ thẻ, oang oang, trong trẻo...  c) Tả dáng điệu: Lừ đừ, lả lướt, nghênh ngang, ngông nghênh.  d) Tả dáng dấp : lênh khênh, lè tè, tập tễnh, ...  e) Gợi tả màu sắc : chon chót, sặc sỡ, lấp lánh,..  Gợi tả mùi vị : thoang thoảng, nồng nàn ,ngào ngạt,...  f) gật gật , rung rung, cười cười nói nói, .  g) lấp ló, lập loè, bập bùng, nhấp nhô, phập phồng,... |

***4. Củng cố***

**-** Cho hs nhắc lại 2 ghi nhớ

- Cho ví dụ

Ngày giảng: ngày 22 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 3**

**Tiết 5,6:** **THÁNH GIÓNG**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức :**

- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyền thuyết về đề tài giữ nước.

- Những sự kiện và di tích phản ánh lịch sử đấu tranh gữi nước của ông cha ta được kể trong một tác phẩm truyền thuyết.

**2. Kĩ năng :**

**-** Thực hiện thao tác phân tích một vài chi tiết nghệ thuật kì ảo trong văn bản.

- Nắm bắt tác phẩm thông qua hệ thống các sự việc được kể theo trình tự thời gian.

**3. Thái độ:** Yêu thích văn bản truyền thuyết đã học

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1:** **GV ôn tập lại lí thuyết cho HS**  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:**  Trong truyện *Thánh Gióng* có những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính? Nhân vật chính này được xây dựng bằng rất nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo và giàu ý nghĩa. Em hãy tìm và liệt kê ra những chi tiết đó.  **Câu 2**: Các chi tiết nêu ra trong SGK, tr.22, 23 có ý nghĩa như thế nào?  **Câu 3:** Hãy nêu ý nghĩa của hình tượng Gióng? | - Hs ôn tập lại lý thuyết  - Học sinh tìm và liệt kê các chi tiết  - Học sinh nêu ý nghĩa  - Hs suy nghĩ trả lời câu hỏi | **I. Lý thuyết**  - Đặc trưng về thể loại truyền thuyết  - Khái niệm về chi tiết tưởng tượng kì ảo  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Truyện có các nhân vật : Thánh Gióng, cha mẹ Gióng, nhà vua, sứ giả.  - Nhân vật chính là Thánh Gióng được xây dựng kì ảo, tưởng tượng:  + Ra đời: mẹ mang thai 12 tháng từ ngày ướm chân vào vết chân trên ruộng.  + Trưởng thành: lên ba tuổi không biết đi, không biết nói cười.  + Nghe tiếng sứ giả bỗng cất tiếng nói. Từ đó lớn nhanh như thổi.  + Khỏe mạnh, có thể cưỡi ngựa sắt, mặc được áo giáp sắt, vươn vai thành tráng sĩ.  + Bay lên trời.  **Câu 2:**  \* Ý nghĩa của các chi tiết:  a) Tiếng nói đầu tiên của chú bé lên ba là tiếng nói đòi đi đánh giặc:  - Ca ngợi ý thức đánh giặc, cứu nước trong hình tượng Gióng; ý thức đối với đất nước được đặt lên đầu tiên.  - Ý thức đánh giặc cứu nước tạo cho người anh hùng những khả năng, hành động khác thường, thần kì.  - Gióng là hình ảnh của nhân dân. Nhân dân lúc bình thường thì âm thầm, lặng lẽ cũng như Gióng ba năm không nói, chẳng cười. Nhưng khi nước nhà gặp cơn nguy biến, thì họ đứng ra cứu nước đầu tiên, cũng như Gióng, vua vừa kêu gọi đã đáp lời cứu nước.  b) Gióng đòi ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt để đi đánh giặc:  - Để thắng giặc, dân tộc ta phải chuẩn bị từ lương thực, từ những cái bình thường như cơm, cà lại phải đưa cả thành tựu văn hóa, kĩ thuật là vũ khí (ngựa sắt, roi sắt, giáp sắt) vào cuộc chiến đấu.  c) Bà con làng xóm vui lòng góp gạo nuôi cậu bé.  - Gióng lớn lên bằng những thức ăn, đồ mặc của nhân dân. Sức mạnh dũng sĩ của Gióng được nuôi dưỡng từ cái bình thường, giản dị.  - Nhân dân ta yêu nước, ai cũng mong Gióng lớn nhanh đánh giặc cứu nước.  - Cả dân làng đùm bọc, nuôi dưỡng Gióng. Gióng đâu chỉ là con của một bà mẹ, mà của mọi người, của nhân dân. Gióng tiêu biểu cho sức mạnh của toàn dân.  d) Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ.  - Gióng lớn nhanh như thổi để đáp ứng được nhiệm vụ cứu nước. Cuộc chiến đấu đòi hỏi dân tộc ta phải vươn mình phi thường như vậy. Gióng vươn vai là tượng đài bất hủ về sự trưởng thành vượt bậc, về hùng khí, tinh thần của một dân tộc trước nạn ngoại xâm.  đ) Gậy sắt gãy, Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc:  Gióng đánh giặc không chỉ bằng vũ khí, mà bằng cả cỏ cây của đất nước, bằng những gì có thể giết giặc được.  e) Gióng đánh giặc xong, cởi áo giáp sắt để lại và bay thẳng về trời:  - Gióng ra đời phi thường thì ra đi cũng phi thường. Nhân dân yêu mến, trân trọng, muôn giữ mãi hình ảnh người anh hùng, nên đã để Gióng trở về với cõi vô biên bất tử. Bay lên trời. Gióng là non nước, đất trời, là biểu tượng của người dân Văn Lang. Gióng sống mãi.  - Đánh giặc xong Gióng không trở về nhận phần thưởng, không hề đòi hỏi công danh. Dấu tích của chiến công, Gióng để lại cho quê hương, xứ sở.  **Câu 3:**  - Gióng là hình tượng tiêu biểu, rực rỡ của người anh hùng đánh giặc giữ nước.  - Gióng là người anh hùng mang trong mình sức mạnh của cả cộng đồng ở buổi đầu dựng nước: sức mạnh của tổ tiên thần thánh (sự ra đời thần kì); sức mạnh của tập thể cộng đồng (bà con làng xóm góp gạo nuôi Gióng); sức mạnh của thiên nhiên, văn hóa, kĩ thuật (ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt, tre).  - Hình tượng khổng lồ, đẹp và khái quát như Thánh Gióng đã nói lên được lòng yêu nước, khả năng và sức mạnh quật khởi của toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm. |

***4. Củng cố:***  Hình ảnh nào của *Thánh Gióng* đẹp trong tâm trí em*?*

Ngày giảng: ngày 29 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 4**

**Tiết 7, 8:** **SƠN TINH, THỦY TINH**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Nhân vật, sự kiện trong truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh.

- Cách giải thích hiện tượng lũ lụt xảy ra ở đồng bằng Bắc Bộ và khát vọng của người Việt cổ trong việc chế ngự thiên tai lũ lụt, bảo vệ cuộc sống của mình trong truyền thuyết.

- Những nét chính về nghệ thuật của truyện: Sử dụng nhiều chi tiết kì lạ, hoang đường

**2. Kĩ năng**:

- Thực hiện thao tác phân tích một vài chi tiết nghệ thuật kì ảo trong văn bản.

- Nắm bắt tác phẩm thông qua hệ thống các sự việc được kể theo trình tự thời gian.

**3. Thái độ**: Có ý thức phòng chống thiên tai lũ lụt bảo vệ đời sống nhân dân. Có tinh thần tương trợ lẫn nhau khi thiên tai xảy ra.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1**: GV ôn tập lại lí thuyết cho HS  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**: Tóm tắt truyện *“Sơn tinh, Thủy tinh”*  **Câu 2:** Truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh gồm mấy đoạn? Mỗi đoạn thể hiện nội dung gì? truyện được gắn với thời đại nào trong lịch sử Việt Nam?  **Câu 3:** Trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh,* nhân vật chính là ai? Các nhân vật chính được miêu tả bằng những chi tiết nghệ thuật tưởng tượng, kì ảo như thế nào? Ý nghĩa tượng trưng của các nhân vật đó?  **Câu 4:** Hãy nêu ý nghĩa của truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh?    **Câu 5:** Ý kiến nào dưới đây là đúng ?  A - Sơn Tinh là yêu quái trên núi, Thuỷ Tinh là yêu quái dưới nước.  B - Sơn Tinh là Thần Núi, Thuỷ Tinh lầ Thần Nước.  C - Sơn Tinh, Thuỷ Tinh không phải là những danh từ chỉ người.  D - Sơn Tinh, Thuỷ Tinh là những danh từ chung | - Hs trả lời kiến thức cũ  - Hs tóm tắt văn bản  - Hs chia đoạn văn và thể hiện nội dung  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs nêu ý nghĩa  - Hs chọn ý kiến đúng | **I. Lý thuyết**  - Đặc trưng về thể loại truyền thuyết  - Khái niệm về chi tiết tưởng tượng kì ảo  **II. Luyện tập**  **Câu 1** : Tóm tắt truyện *“Sơn tinh, Thủy tinh”*  - Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua Hùng muốn kén cho nàng một người chồng xứng đáng. Đến cầu hôn có hai vị thần tài giỏi ngang nhau, đều xứng làm rể Vua Hùng  Một người là Sơn Tinh - chúa vùng non cao. Một người làThuỷ Tinh - chúa vùng nước thẳm. Để lựa chọn được chàng rể xứng đáng, Vua Hùng bèn đặt ra điều kiện:"Ngày mai ai mang lễ vật gồm: Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng,voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi đến trước thi ta sẽ gả con gái cho”. Hôm sau, Sơn Tinh mang lễ vật đến truớc, cưới được Mị Nương.Thuỷ Tinh đến sau, không lấy được vợ, đùng đùng nồi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương. Thần hô mưa gọi gió, dâng nước sông lên cuồn cuộn làm cho thành Phong Châu ngập chìm trong nuớc. Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép bốc từng quả đồi, dời tùng dãy núi, đắp thành dựng luỹ, ngăn chặn dòng lũ. Hai bên đánh nhau kịch liệt. Cuối cùng Thuỷ Tinh đuối sức phải chịu thua. Từ đó, oán nặng thù sâu, hàng năm Thủy Tinh vẫn làm mưa gió, bão lụt,dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng năm nào cũng mang thất bại trở về.  **Câu 2:**  Truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh có thể chia thành ba đoạn:  - Đoạn 1, từ đầu đến "mỗi thứ một đôi": Vua Hùng thứ mười tám kén rể.  - Đoạn 2, tiếp theo đến "Thần nước đành rút quân": Scm Tinh, Thủy Tinh cầu hôn và cuộc giao tranh của hai vị thần.  - Đoạn 3, phần còn lại: Sự trả thù hằng năm về sau của Thủy Tinh và chiến thắng của Sơn Tinh.  \* Truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh được gắn với các thời đại vua Hùng, gắn với công cuộc trị thủy với thời đại mở nước, dựng nước đầu tiên của người Việt cổ.  **Câu 3:**  - Nhân vật chính trong truyện là Sơn Tinh và Thủy Tinh.  \* Các nhân vật này được miêu tả bằng những chi tiết nghệ thuật tưởng tượng, kì ảo:  - Sơn Tinh: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi.  - Thủy Tinh: Gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về.  \* Trong cuộc giao tranh:  - Thủy Tinh hô mưa, gọi gió làm thành giông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh  - Sơn Tinh: dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi dâng lên bấy nhiêu...  \* Ý nghĩa tượng trưng của các nhân vật:  - Thủy Tinh là hiện tượng mưa to, bão lụt ghê gớm hằng năm được hình tượng hóa.  - Sơn Tinh là lực lượng cư dân Việt cổ đắp đê chống lụt, là ước mơ chiến thắng thiên tai của người xưa được hình tượng hóa. Tầm vóc vũ trụ, tài năng và khí phách của Sơn Tinh là biểu tượng sinh động cho chiến công của người Việt cổ trong cuộc đấu tranh chống bão lụt ở vùng lưu vực sông Đà và sông Hồng.  **Câu 4**:  - Truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh có các ý nghĩa sau:  - Giải thích nguyên nhân của hiện tượng lũ lụt hằng năm.  - Thể hiện sức mạnh và ước mơ chế ngự bão lụt của người Việt cổ.  - Suy tôn, ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng. Thần núi Tản Viên trở thành con rể vua Hùng có ý nghĩa đề cao quyền lực của các vua Hùng.  **Câu 5:**  - Ý kiến B là đúng**.** |

***4. Củng cố:***Suy nghĩ của em về truyện *“Sơn Tinh – Thủy Tinh”*

Ngày giảng: ngày 6 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 5**

**Tiết 9:** **TỪ MƯỢN**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức :**

- Thế nào là từ mượn?

- Các hình thức mượn từ?

**2. Kĩ năng** : Luyện kỹ năng sử dụng từ mượn trong nói, viết.

**3. Thái độ**: Bước đầu sử dụng từ mượn một cách hợp lý trong nói viết.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1:** **Lý thuyết**  - Từ mượn là gì?  - Các từ mượn tiếng Ấn – Âu có mấy cách viết?  - Mặt tích cực và tiêu cực của việc mượn từ là gì?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Dựa vào chú thích ở bài Thánh Gióng, hãy giải thích các từ trượng, tráng sĩ trong câu sau:  *“Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng [...]*  **Câu 2:** Trong số các từ dưới đây, những từ nào được mượn từ tiếng Hán? Những từ nào được mượn từ các ngôn ngữ khác?  *Sứ giả, ti vi, xà phòng, buồm, mít tinh, ra-đi-ô, gan, điện, ga, bơm, xô viết, giang sơn, in-tơ-nét.*  **Câu 3:** Nêu nhận xét về cách viết các từ mượn nói trên**?**  **Câu 4:** Ghi lại các từ mượn có trong những câu dưới đây. Cho biết các từ ấy được mượn của tiếng (ngôn ngữ) nào.  *a) Đúng ngày hẹn, bà mẹ vô cùng ngạc nhiên vì trong nhà tự nhiên có bao nhiêu là sính lễ.* (Sọ Dừa)  b) *Ngày cưới, trong nhà Sọ Dừa cỗ bàn thật linh đình, gia nhân chạy ra chạy vào tấp nập*.  (Sọ Dừa)  c) *Ông vua nhạc pốp Mai-cơn Giắc-xơn đã quyết định nhảy vào lãnh địa in-tơ-nét với vi-ệc mở một trang chủ riêng*.  **Câu 5**: Hãy kể một số từ mượn  a) Là tên các đơn vị đo lường.  b) Là tên một số bộ phận của chiếc xe đạp.  c) Là tên một số đồ vật | - Hs đọc ghi nhớ  - Hs trả lời  - Hs nêu mặt tích cực và tiêu cực  - Hs giải thích  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs nhận xét  - Hs trả lời  - Hs kể từ mượn | **I. Lý thuyết**  - Từ mượn có 2 nguồn chính là tiếng Hán, tiếng Ấn – Âu  - Từ mượn tiếng Ấn – Âu có 2 cách viết khác nhau.  - Mặt tích cực và tiêu cực là:  + Tích cực: Mượn từ là một cách làm giàu Tiếng Việt  + Tiêu cực: Lạm dụng việc mượn từ sẽ làm cho Tiếng Việt kém trong sáng và có khi còn viết sai từ.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Trượng: đơn vị đo độ dài bằng 10 thước Trung Quốc cổ (tức 3, 33 mét); ở đây hiểu là rất cao.  - Tráng sĩ: người có sức lực cường tráng, chí khí mạnh mẽ, hay làm việc lớn (tráng: khỏe mạnh, to lớn, cường tráng; sĩ: người trí thức thời xưa và những người được tôn trọng nói chung).  **Câu 2:**  - Những từ mượn từ tiếng Hán: sứ giả, giang sơn, gan, buồm, điện.  - Những từ mượn của các ngôn ngữ khác: ti vi, xà phòng, mít tinh, ra-đi-ô, ga, bơm, xô viết, in-tơ-nét.  **Câu 3:**  - Từ được Việt hóa cao viết như từ thuần Việt. Ví dụ: mít tinh, xô viết, xà phòng.  - Từ mượn chưa được Việt hóa hoàn toàn: khi viết nên dùng gạch ngang dể nổì các tiếng. Ví dụ: in-tơ nét, ra-đi-ô  **Câu 4:** Các từ mượn có trong câu là:  a) Mượn tiếng Hán: vô cùng, ngạc nhiên, tự nhiên, sính lễ  b) Mượn tiếng Hán: gia nhân.  c) Mượn tiếng Anh: pốp, in-tơ-nét.  **Câu 5:**  a) Là đơn vị đo lường: mét, lít, ki-lô-mét, ki-lô-gam  b) Là tên một số bộ phận của chiếc xe đạp: ghi đông, pẽ đan, gác-đờ-bu...  c) Là tên một số đồ vật: ra-đi-ô, vi-ô-lông, xoong, xích.. |

***4. Củng cố:*** Kể một số từ mượn mà em biết

Ngày giảng: ngày 6 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 5**

**Tiết 10:**  **TÌM HIỂU ĐỀ VÀ CÁCH LÀM VĂN TỰ SỰ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cấu trúc, yêu cầu của đề văn tự sự

- Tầm quan trọng của việc tìm hiểu đề, lặp ý, lặp dàn ý khi làm bài văn tự sự.

- Những căn cứ để lặp ý và lặp dàn ý.

**2. Kĩ năng** :

- Tìm hiểu đề: đọc kĩ đề, nhận ra những yêu cầu của đề và cách làm một bài văn tự sự.

- Bước đầu biết dùng lời văn của mình đề viết bài văn tự sự.

**3. Thái độ**: Biết tìm hiểu đề văn tự sự và cách làm bài văn tự sự.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  - Khi tìm hiểu đề văn tự sự cần phải làm gì?  - Lập ý và lập dàn ý là viết như thế nào?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Khi làm một bài văn theo đề đã cho thì em phải thực hiện những bước nào?  **Câu 2:** Đọc các đề sau và thực hiện các yêu cầu:  (1) Kể một câu chuyện em thích bằng lời văn của em.  (2) Kể chuyện về một người bạn tốt.  (3) Kỉ niệm ngày thơ ấu.  (4) Ngày sinh nhật của em.  (5) Quê em đổi mới.  (6) Em đã lớn rồi.  a) Đề (1) yêu cầu em những gì? Dựa vào đâu để biết đây là đề văn tự sự?  b) Các đề (3), (4), (5), (6) không có từ kể, có phải đề văn tự sự không?  c) Hãy xác định những từ ngữ trọng tâm trong mỗi đề trên và cho biết những từ ngữ ấy nói lên điều gì?  d) Trong các đề trên, đề nào nghiêng về kể người, đề nào nghiêng về kể việc, đề nào nghiêng về tường thuật?  **Câu 3:**  Làm văn phải "lập ý". Em hiểu thế nào là "ý" của một bài văn tự sự ? Ý của bài văn tự sự gồm những nội dung nào ? | - Hs trả lời  -Hs nêu các bước.  - Hs suy nghĩ trả lời.  - Hs nêu yêu cầu, xác định đề văn tự sự và các từ ngữ trọng tâm của mỗi đề  - Hs suy nghĩ trả lời. | **I. Lý thuyết**  - Khi tìm hiểu đề văn tự sự cần phải tìm hiểu kĩ lời văn của đề để năm vững yêu cầu của đề bài  - *Lập ý* là xác định nội dung sẽ viết theo yêu cầu của đề, cụ thể là xác định : nhân vật, sự việc, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của câu chuyện  *- Lập dàn ý* là sắp xếp việc gì kể trước, việc gì kể sau để người đọc theo dõi được câu chuyện và hiểu được ý định của người viết.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** Để chỉ ra các bước làm bài văn tự sự, em cần đọc kĩ bài học để trả lời. Chú ý nêu rõ nội dung việc làm của mỗi bước**.**  **Câu 2:**  *a) Đề (1) nêu yêu cầu:*  - Kể chuyện  - Câu chuyện em thích  - Bằng lời văn của em.  *b) Các đề (3), (4), (5), (6)* không có từ kể nhưng vẫn là đề tự sự vì vẫn yêu cầu có việc, có chuyện về những ngày thơ ấu, ngày sinh nhật, quê em đổi mới, em đã lớn.  *c) Các đề trên yêu cầu làm nổi bật:*  - Câu chuyện từng làm em thích thú  - Những lời nói, việc làm của bạn chứng tỏ bạn rất tốt.  - Một câu chuyện kỉ niệm khiến em không thể quên.  - Những sự việc và tâm trạng của em trong ngày sinh nhật.  - Sự đổi mới cụ thể của quê em  - Những biểu hiện về sự lớn lên của em.  *d) - Các đề nghiêng về kể việc: 3, 4, 5*.  - Các đề nghiêng về kể người: 2, 6.  - Các đề nghiêng về tường thuật: 3, 4, 5.  **Câu 3:**  - Làm bài văn nào cũng phải lập ý, nhưng đối với mỗi đề cách lập ý có những yêu cầu khác nhau. Đối với đề tự sự, tức là kể chuyện thì lập ý tức là nghĩ ra chuyện để kể. Trong khi nghĩ ra chuyện thì phải chú ý làm rõ sáu yếu tố của chuyện như sau :  - Thời gian và địa điểm xảy ra chuyện : Chuyện xảy ra vào lúc nào, ở đâu ?  Thiếu hai yếu tố này câu chuyện sẽ trừu tượng, thiếu cụ thể. Ví dụ : Truyện Phần thưởng xảy ra tại hoàng cung vua Nga, thời gian là thời xưa ; truyện về Tuệ Tĩnh xảy ra vào thời Trần, địa điểm tại nhà của Tuệ Tĩnh. Trong các truyện dân gian như truyện ngụ ngôn, truyện cổ tích, thời gian và địa điểm thường ước lệ, mờ nhạt, nhưng trong các truyện kể ngày nay thì cần phải hình dung rõ thời gian và địa điểm.  - Nhân vật và sự việc của chuyện : Đây là hai yếu tố quan trọng nhất : chuyện sẽ kể về ai, người đó làm việc gì. Lập ý tự sự là trước tiên phải nghĩ đến hai yếu tố này. Truyện Phần thưởng có vua Nga, người nông dân và tên cận thần, truyện về Tuê Tĩnh có Tuệ Tĩnh và hai người bệnh. Việc chính của truyện thứ nhất là xin thưởng roi, chuyện thứ hai là ưu tiên chữa bệnh cho người bệnh nặng. Hai sự việc đó thể hiện tính cách, phẩm chất của hai nhân vật chính.  - Nguyên nhân và kết quả của sự việc : Đã kể việc thì phải nói rõ vì sao mà nhân vật hành động như vậy và kết quả thế nào. Xin thưởng roi để trị tên cận thần và hắn đã bị trị. Chữa bệnh cho người bệnh nặng đã cứu được người đó.  🡪 Khi lập ý thì phải chú ý sáu yếu tố đó thì mới có chuyện có ý nghĩa. |

***4. Củng cố:*** Khi làm văn tự sự, chúng ta cần chú ý yếu tố gi?

Ngày giảng: ngày 13 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 6**

Tiết 11,12: **TỪ NHIỀU NGHĨA VÀ HIỆN TƯỢNG CHUYỂN NGHĨA CỦA TỪ**

**A/ Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức** :

**-** Khái niệm từ nhiều nghĩa

- Hiện tượng chuyển nghĩa của từ

- Nguồn gốc và nghĩa chuyển của từ

**2. Kĩ năng** :

- Nhận diện được từ nhiều nghĩa

- Bước đầu biết sử dụng từ nhiều nghĩa trong hoạt động giao tiếp

**3. Thái độ**: Biết lựa chọn sử dụng từ tiếng Việt đúng nghĩa trong giao tiếp.

**B/ Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C/ Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Hiện tượng chuyển nghĩa của từ là gì?  - Trong từ nhiều nghĩa có mấy nghĩa?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Bài 1 (trang 56 sgk ngữ văn 6 tập 1)  **Câu 2:** (trang 56 sgk ngữ văn 6 tập 1)  **Câu 3:** (trang 56 sgk ngữ văn 6 tập 1)  **Câu 4:** (trang 57 sgk ngữ văn 6 tập 1) | - Hs trả lời lý thuyết  - Hs thực hiện bài tập 1  - Hs thực hiện bài tập  - Hs thực hiện bài tập  - Hs trả lời. | **I. Lý thuyết**  - Là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ, tạo ra những từ nhiều nghĩa  - Trong từ nhiều nghĩa có:  + Nghĩa gốc: Là nghĩa xuất hiện từ đầu, làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác  + Nghĩa chuyển: Là nghĩa được hình thành trên cơ sở của nghĩa gốc  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Ba từ chỉ bộ phận con người và sự chuyển nghĩa của chúng:  + Từ mắt: mắt na, mắt dứa, mắt võng, mắt cây, mắt lưới….  + Từ mũi: mũi thuyền, mũi dao, mũi đất, mũi quân  + Từ tay: tay ghế  + Từ cổ: cổ chai, cổ lọ, cổ áo  **Câu 2:**  - Một số từ ngữ dùng để chỉ bộ phận cây cối được chuyển nghĩa thành từ ngữ chỉ bộ phận trên cơ thể người:  - Lá: lá phổi, lá lách, lá gan  - Quả: quả tim, quả thận  **Câu 3:**  *a, Chuyển từ chỉ sự vật thành chỉ hành động*  - Cái cuốc- cuốc đất  - Chiếc bào- bào gỗ  - Hạt muối- muối dưa  *b, Chỉ hành động chuyển thành chỉ sự vật:*  - Bó cỏ- một bó cỏ  - Nắm cơm- ba nắm  - Bơm xe- cái bơm  **Câu 4:**  *a, Tác giả nêu lên hai nghĩa của từ bụng.*  - Là bộ phận trên cơ thể người hoặc động vật chứa ruột và dạ dày  - Biểu tượng của ý nghĩ sâu kín, không bộc lộ đối với người, với việc nói chung  → Cùng một từ có nhiều ý nghĩa khác nhau: nghĩa gốc và nghĩa chuyển  *b, Nghĩa của từ bụng trong những kết hợp sau:*  - Ăn cho ấm bụng ( bụng: bộ phận cơ thể người, động vật chứa ruột và dạ dày)  - Anh ấy tốt bụng ( bụng: biểu tượng của ý nghĩ, tình cảm sâu kín đối với người, việc  - Chạy nhiều bụng chân săn chắc (bụng phần phình to ra ở một số động vật) |

***4) Củng cố:***

- Thế nào là hiện tượng chuyển nghĩa? Cho ví dụ?

- Một từ có thể có mấy nghĩa? Vì sao?

Ngày giảng: ngày 20 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 7**

Tiết 13: **SỰ TÍCH HỒ GƯƠM**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức** :

- Nội dung, ý nghĩa truyện Sự tích Hồ Gươm, vẻ đẹp của một số những hình ảnh chính trong truyện và kể được truyện này.

**2. Kĩ năng** :

- Rèn kỉ năng tóm tắt, kể chuyện diển cảm

**3. Thái độ**: Lòng tự hào, yêu chuộng hòa bình

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Gv cho hs ôn lại kiến thức truyền thuyết  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Hãy tóm tắt truyền thuyết *Sự tích Hồ Gươm?*  **Câu 2:** Vì sao đức Long Quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần?  **Câu 3:** Lê Lợi đã nhận được gươm thần như thế nào? Cách Long Quân cho nghĩa quân Lam Sơn và Lê Lợi mượn gươm có ý nghĩa gì?  **Câu 4:** Hãy chỉ ra sức mạnh của gươm thần đốì với nghĩa quân Lam Sơn. | - Hs trả lời lý thuyết.  - Hs tóm tắt truyền thuyết “Sự tích Hồ Gươm”  - Hs giải thích lí do Long Quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs chỉ ra sức mạnh của gươm thần | **I. Lý thuyết**  **-** Đặc trưng về thể loại truyền thuyết  - Khái niệm về chi tiết tưởng tượng kì ảo  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** Tóm tắt truyền thuyết *Sự tích Hồ Gươm:*  - Thời giặc Minh đô hộ nước ta, Lê Lợi dựng cờ tụ nghĩa tại Lam Sơn nhưng ban đầu thế yếu, lực mỏng nên thường bị thua. Đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn thanh gươm thần để giết giặc.  Một người đánh cá tên là Lê Thận ba lần kéo lưới đều gặp một thanh sắt, nhìn kĩ hoá ra một lưỡi gươm. Sau đó ít lâu, Lê Lợi bị giặc đuổi, chạy vào rừng bắt được chuôi gươm nạm ngọc trên cây đa, đem tra vào lưỡi gươm ở nhà Lê Thận thì vừa như in, mới biết đó là gươm thần.  Từ khi có gươm thần, nghĩa quân đánh đâu thắng đấy, cuối cùng đánh tan quân xâm lược.  Sau khi thắng giặc, Lê Lợi đi thuyền dạo quanh hồ Tả Vọng; Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại gươm thần. Từ đó, hồ Tả Vọng đổi tên thành hồ Hoàn Kiếm.  **Câu 2:**  - Giặc Minh đô hộ nước ta, làm nhiều điều bạo ngược, nhân dân ta căm giận chúng đến tận xương tủy.  - Ở vùng Lam Sơn, nghĩa quân nổi dậy chống lại chúng, nhưng buổi đầu thế lực còn yếu, nhiều lần bị thua.  - Đức Long Quân thấy vậy, quyết định cho nghĩa quân mượn gươm thần để giết giặc  **Câu 3:**  *\* Cách Long Quân cho mượn gươm:*  - Chàng đánh cá Lê Thận bắt được lưỡi gươm dưới nước. Chàng gia nhập đoàn quân khởi nghĩa Lam Sơn. lưỡi gươm khi gặp chủ tướng Lê Lợi thì sắng rực lên hai chữ "Thuận thiên". Lê Lợi cùng mọi người xem gươm nhưng không ai biết đó là báu vật.  - Chủ tướng Lê Lợi trên đường bị giặc đuổi thấy "ánh sáng lạ" - chính là chuôi gươm nạm ngọc - ở ngọn cây đa, đã lây chuôi gươm đó mang về  - Đem lưỡi gươm Lê Thận bắt được dưới nước tra vào chuôi gươm mà Lê Lợi bắt được trên rừng thì "vừa như in".  - Lê Thận nâng gươm thần lên đầu, dâng cho Lê Lợi: "Đây là trời có ý phó thác cho minh công làm việc lớn. Chúng tôi nguyện mang xương thịt của mình theo minh công...  *\* Ý nghĩa cách cho mượn gươm:*  - Các nhân vật được lưỡi gươm dưới nước, chuôi gươm trên rừng: khả năng cứu nước có ở khắp nơi, từ miền sông nước đến miền rừng núi, miền ngược, miền xuôi cùng đánh giặc.  - Các bộ phận của thanh gươm rời nhau nhưng khi khớp lại thì "vừa như in". Điều đó có nghĩa là nguyện vọng của nhân dân là như nhau, nghĩa quân trên dưới một lòng.  - Lê Lợi được chuôi gươm, Lê Thận dâng gươm cho Lê Lợi - những chi tiết này khẳng định, đề cao vai trò minh chủ của Lê Lợi.  **Câu 4:**  - Sức mạnh của nghĩa quân được nhân lên gấp bội nhờ có gươm thần: thanh gươm thần tung hoành khắp các trận địa, làm cho quân Minh bạt vía, uy thế của nghĩa quân vang khắp nơi... Gươm thần mở đường cho nghĩa quân đánh tràn ra mãi, cho đến lúc không còn một bóng quân xâm lược nào trên đất nước |

***4. Củng cố:*** Hs nhắc lại khái niệm truyền thuyết và kể lại truyện Sự tích Hồ Gươm

Ngày giảng: ngày 20 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 7**

Tiết 14: **SỌ DỪA**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức** :

- Giúp học sinh hiểu được thế nào là truyện cổ tích ,hiểu được giá trị nội dung ,nghệ thuật và ý nghĩa của truỵện Sọ Dừa và một số đặc điểm tiêu biểu của kiểu nhân vật mang lốt xấu xí.

**2. Kĩ năng** :

- Rèn kỹ năng tóm tắt truyện ,kỹ năng phân tích chi tiết truyện bằng truyện cổ tích

**3. Thái độ**: Giáo dục các em biết yêu thương đồng bào với những cảnh ngộ éo le ,yêu chính nghĩa ghét gian tà ,tin yêu cuộc sống .

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Thế nào là truyện cố tích?  - Nhân vật trong truyện thuộc kiểu nhân vật nào?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Tóm tắt truyện cổ tích *Sọ Dừa?*  **Câu 2:** Sự ra đời của Sọ Dừa có gì khác không? Kể về sự ra đời của Sọ Dừa như vậy, nhân dân muốn thể hiện điều gì và muốn chú ý đến những con người như thế nào trong xã hội?  **Câu 3:** Sự tài giỏi của Sọ Dừa thể hiện qua những chi tiết nào? Em có nhận xét gì về quan hệ giữa hình dạng bên ngoài và phẩm chất bên trong của nhân vật?  **Câu 4:** Tại sao cô út lại bằng lòng lấy Sọ Dừa ? Em có nhận xét gì về nhân vật cô út?  **Câu 5:** Hãy nêu những ý nghĩa chính của truyện *Sọ Dừa*? | - Hs trả lời  - Hs trả lời  - Hs tóm tắt truyện  - Hs suy nghĩ sự ra đời của Sọ Dừa  - Hs có nhận xét gì về quan hệ giữa hình dạng bên ngoài và phẩm chất bên trong của nhân vật  - Hs nhận xét về cô Út  - Hs nêu ý nghĩa truyện. | **I. Lý thuyết**  - Truyện cổ tích là loại truyên dan gian kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật quen thuộc:  + Nhân vật bất hạnh như người mồ côi, con riêng, người em út, người có hình dạng quen thuộc.  + Nhân vật thông minh và nhân vật ngốc nghếch  + Nhân vật là nhân vật biết nói năng hành động tính cách như con người  + Truyện cổ tích thường có yếu tố hoang đường thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu, sự công bằng đối với sự bất công.  - Nhân vật thuộc vào loại có hình dạng xấu xí bất hạnh. **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Có đôi vợ chồng nghèo phải đi ở cho nhà phú ông và hiếm muộn con cái. Một lần bà vợ uống nước trong cái vỏ dừa, về nhà có mang, sinh ra một đứa bé kì dị, không chân không tay, tròn như quả dừa. Toan vứt đi thì đứa bé cầu xin nên bà vợ không nỡ mà giữ đứa bé lại, đặt tên Sọ Dừa.  Lớn lên, Sọ Dừa thay mẹ chăn bò. Ba cô con gái nhà phú ông thay nhau đưa cơm cho Sọ Dừa. Hai cô chị kênh kiệu, chỉ có cô út đối đãi tử tế với Sọ Dừa.  Một ngày, cô út phát hiện vẻ đẹp con người Sọ Dừa, đem lòng thương yêu. Sọ Dừa nhờ mẹ hỏi cưới. Dù bị thách cưới cao, Sọ Dừa vẫn đáp ứng đầy đủ. Sọ Dừa trở về hình dáng một chàng trai tuấn tú đến đón cô út về làm vợ khiến hai cô lớn nhà phú ông vô cùng ghen tức.  Sọ Dừa thi đỗ Trạng nguyên được vua cử đi sứ. Trước khi đi, chàng đưa vợ một hòn đá lửa, một con dao và hai quả trứng gà đề phòng tai họa. Sọ Dừa đi vắng, hai người chị hãm hại cô út, đẩy cô xuống biển nhằm cướp chồng em. Nhờ những đồ vật chồng đưa, cô út thoát chết, được chồng cứu trên đường đi sứ. Hai vợ chồng đoàn tụ. Hai cô chị xấu hổ bỏ nhà đi biệt xứ.  **Câu 2:**  \* Sự ra đời khác thường của Sọ Dừa:  - Bà mẹ uống nước từ cái sọ dừa nên mang thai.  - Hình dạng ra đời kì lạ mà lại biết nói.  🡪 đề cập đến những người đau khổ, thấp hèn trong xã hội xưa, vẻ ngoài xấu xí, nhân dân nhận thức sâu sắc về số phận và địa vị xã hội của mình.  **Câu 3:**  - Sự tài giỏi của Sọ Dừa thể hiện qua những chi tiết:  + Chăn bò giỏi  + Thổi sáo rất hay  + Sắm đủ sính lễ cưới vợ  + Thi đỗ trạng nguyên  + Có tài dự đoán.  - Sự đối lập giữa bề ngoài dị dạng và vẻ đẹp, phẩm chất bên trong thể hiện ước mơ của nhân dân về sự đổi đời và đề cao , khẳng định giá trị chân chính của con người. Đó chính là giá trị tinh thần bên trong.  **Câu 4:**  **-**  Cô út yêu và đồng ý lấy Sọ Dừa không phải là chiều theo ý cha bởi chính cha cô vì không muốn cho lấy nên mới đặt ra nhiều lễ vật quý giá như vậy nhưng cũng không phải vì hai cô chị nhường mà cô yêu Sọ Dừa thật sự. Đó là tình yêu và cũng là lòng thương người cho nên cô mới phát hiện ra Sọ Dừa không xấu xí như vẻ bề ngoài.  - Nhận xét về cô út: Cô út là người giàu lòng nhân hậu, biết yêu thương, thông minh, biết sẻ chia và rất giàu nghị lực. Cô út như vậy, biết quan tâm người khác thì sẽ được đền đáp xứng đáng và được mọi người yêu thương hết mực.  **Câu 5:**  - Truyện đề cao giá trị đích thực, vẻ đẹp bên trong của của con người.  - Đề cao lòng nhân ái đối với người bất hạnh. Có lòng nhân ái sẽ có cuộc sống hạnh phúc.  - Thể hiện ước mơ và niềm tin mãnh liệt về cuộc sống công bằng, tốt đẹp. |

***4. Củng cố*:** Qua sự ra đời khác thường cúa Sọ Dưa, em hiểu nhân dân bày tỏ thái độ gi?

Ngày giảng: ngày 27 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 8**

Tiết 15,16: **THẠCH SANH**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức :** Nắm được nội dung, ý nghĩa và một số đặc điểm tiêu biểu của nhân vật người dũng sĩ

**2. Kĩ năng** : Kể lại được truyện bằng ngôn ngữ kể của bản thân.

3. **Thái độ:** Lòng nhân ái, yêu chuộng hòa bình.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Thế nào là truyện cố tích?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** - Tóm tắt văn bản “ Thạch Sanh”  **Câu 2:** Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh có gì khác thường? Kể về sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh như vậy, theo em, nhân dân muôn thể hiện điều gì?  **Câu 3:** Trước khi được kết hôn với công chúa, Thạch Sanh đã phải trải qua những thử thách nào? Thạch Sanh bộc lộ phẩm chất gì qua những thử thách ấy?  **Câu 4:** Ý nghĩa của chi tiết tiếng đàn và niêu cơm đãi quân sĩ mười tám nước chư hầu trong truyện cổ tích Thạch Sanh: | - Hs trình bày hiểu biết về truyện cổ tích  - Hs tóm tắt văn bản  - Hs trả lời câu hỏi  - Hs suy nghĩ trả lời.  - Hs nêu ý nghĩa của tiếng đàn và niêu cơm | **I. Lý thuyết**  - Truyện cổ tích là loại truyên dân gian kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật quen thuộc:  + Nhân vật bất hạnh như người mồ côi, con riêng, người em út, người có hình dạng quen thuộc.  + Nhân vật thông minh và nhân vật ngốc nghếch  + Nhân vật là nhân vật biết nói năng hành động tính cách như con người  + Truyện cổ tích thường có yếu tố hoang đường thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu, sự công bằng đối với sự bất công. **II. Luyện tập**  **Câu 1:** Thạch Sanh vốn là thái tử (con Ngọc Hoàng), được phái xuống làm con vợ chồng người nông dân nghèo khổ nhưng tốt bụng. Chàng sớm mồ côi cha mẹ, sống lủi thủi dưới gốc đa, hái củi kiếm sống qua ngày.  Lí Thông – một người hàng rượu thấy Thạch Sanh khoẻ mạnh bèn giả vờ kết nghĩa anh em để lợi dụng. Đúng dịp Lí Thông đến lượt phải vào đền cho chằn tinh hung dữ ăn thịt, hắn bèn lừa Thạch Sanh đến nộp mạng thay cho mình. Thạch Sanh đã giết chết chằn tinh. Lí Thông lại lừa cho Thạch Sanh bỏ trốn rồi đem đầu chằn tinh vào nộp cho vua để lĩnh thưởng, được vua phong làm Quận công.  Nhà vua có công chúa đến tuổi kén chồng. Trong ngày hội lớn, công chúa bị đại bàng khổng lồ quắp đi. Qua gốc đa chỗ Thạch Sanh đang ở, nó bị chàng dùng cung tên bắn bị thương. Thạch Sanh lần theo vết máu, biết được chỗ đại bàng ở. Vua mất công chúa, vô cùng đau khổ, sai Lí Thông đi tìm, hứa gả con và truyền ngôi cho. Lí Thông lại nhờ Thạch Sanh cứu công chúa rồi lừa nhốt chàng dưới hang sâu.  Thạch Sanh giết đại bàng, lại cứu luôn thái tử con vua Thuỷ Tề bị đại bàng bắt giam trong cũi cuối hang từ lâu. Theo chân thái tử, chàng xuống thăm thuỷ cung, được vua Thuỷ Tề khoản đãi rất hậu, tặng nhiều vàng bạc nhưng chàng chỉ xin cây đàn thần rồi lại trở về gốc đa.  Từ khi được cứu về, công chúa không cười không nói. Hồn chằn tinh và đại bàng trả thù, vu vạ cho Thạch Sanh khiến chàng bị nhốt vào ngục. Chàng đánh đàn, công chúa nghe thấy liền khỏi bệnh câm. Thạch Sanh được vua cho gọi lên. Chàng kể lại rõ mọi việc. Vua giao cho chàng xử tội mẹ con Lí Thông. Được chàng tha bổng nhưng hai mẹ con trên đường về đã bị sét đánh chết, hoá kiếp thành bọ hung.  Thạch Sanh được nhà vua gả công chúa cho. Các nước chư hầu tức giận đem quân sang đánh. Thạch Sanh lại lấy đàn ra gảy khiến quân địch quy hàng. Ăn không hết niêu cơm nhỏ của Thạch Sanh, quân sĩ mười tám nước kính phục rồi rút hết về. Nhà vua nhường ngôi báu cho Thạch Sanh.  **Câu 2:**  \* Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh có sự khác thường:  - Thạch Sanh ra đời là do Ngọc Hoàng sai thái tử xuống đầu thai làm con  - Bà mẹ mang thai nhiều năm mới sinh Thạch Sanh.  - Thạch Sanh được Thiên thần dạy cho đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông.  \* Kể về sự khác thường của Thạch Sanh nhân dân ta muốn tô đậm tính chất kì lạ đẹp đẽ cho nhân vật lí tưởng, làm tăng sức hấp dẫn cho câu chuyện.  **Câu 3:**  \* Trước khi kết hôn với công chúa, Thạch Sanh phải trải qua những thử thách:  - Bị mẹ con Lý Thông lừa đi canh miếu thờ, thế mạng. Thạch Sanh diệt chằn tinh.  - Xuống hang diệt đại bàng, cứu công chúa, bị Lý Thông lấp cửa hang.  - Bị hồn chằn tinh, đại bàng báo thù, Thạch Sanh bị bắt hạ ngục.  \* Qua những lần thử thách, Thạch Sanh đã bộc lộ những phẩm chất quý báu sau:  - Sự thật thà, chất phác.  - Sự dũng cảm và tài năng (diệt chằn tinh, diệt đại bàng, có nhiều phép lạ  **Câu 4:**  *a) Tiếng đàn thần kì*  Âm nhạc thần kì là chi tiết[1] rất phổ biến trong truyện cổ tích dân gian, chẳng hạn : tiếng đàn (truyện Thạch Sanh), tiếng hát (truyện Trương Chi), tiếng sáo (truyện Sọ Dừa),... Tuỳ từng truyện, âm nhạc thần kì có những ý nghĩa khác nhau, ở truyện cổ tích Thạch Sanh, tiếng đàn thần kì có một số ý nghĩa sau đây :  - Tiếng đàn giúp nhân vật được giải oan, giải thoát. Sau khi bị Lí Thông lừa gạt, cướp công, Thạch Sanh bị bắt giam vào ngục tối. Nhờ có tiếng đàn thần kì của Thạch Sanh mà công chúa khỏi câm (công chúa câm là do "giấu trong mình một điều bí mật"), nhận ra người cứu mình và đã giải thoát cho Thạch Sanh. Nhờ đó mà Lí Thông cũng bị vạch mặt. Và do đó, tiếng đàn thần cũng là tiếng đàn của công lí. Tác giả dân gian đã sử dụng chi tiết thần kì để thể hiện quan niệm và ước mơ về công lí của mình.  - Tiếng đàn làm quân sĩ mười tám nước chư hầu phải cởi giáp xin hàng. Với khả năng thần kì, tiếng đàn là đại diện cho cái thiện và tinh thần yêu chuộng hoà bình của nhân dân. Nó là "vũ khí" đặc biệt để cảm hoá kẻ thù.  *b) Niêu cơm thần kì*  - Chi tiết vật ban phát thức ăn vô tận có trong truyện cổ tích dân gian nhiều nước (cái khăn, cái túi - truyện dân gian Nga, Pháp ; cái giỏ - truyện dân gian Mông Cổ ; cái đĩa - truyện dân gian Xi-ri. Ở mỗi dân tộc và mỗi truyện, vật ban phát thức ăn vô tận lại có ý nghĩa riêng. Ở truyện cổ tích Thạch Sanh, niêu cơm thần kì có một số ý nghĩa sau :  - Niêu cơm thần kì của Thạch Sanh có khả năng phi thường, cứ ăn hết lại đầy; làm quân sĩ mười tám nước chư hầu lúc đầu coi thường, chế giễu, nhưng sau đó phải ngạc nhiên, khâm phục.  - Niêu cơm thần kì cùng với lời thách đố của Thạch Sanh và sự thua cuộc của quân sĩ mười tám nước chư hầu chứng tỏ thêm tính chất kì lạ của niêu cơm và sự tài giỏi của Thạch Sanh.  - Niêu cơm thần kì tượng trưng cho lòng nhân đạo, tư tưởng yêu hoà bình của nhân dân ta. Mặt khác, chi tiết này cũng chứng tỏ lòng nhân đạo, yêu hoà bình có khả năng kì diệu giống như niêu cơm thần kia... |

***4. Củng cố:*** Bài học rút ra từ truyện là gì?

Ngày giảng: ngày 3 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 9**

Tiết 17: **LUYỆN NÓI KỂ CHUYỆN**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức** :

- Luyện nói, làm quen với bài phát biểu mịệng.

**2. Kĩ năng** :

- Biết lập dàn bài kể chuyện và kể miệng một cách chân thật.

**3. Thái độ**: Tự tin khi kể chuyện

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Gv cho hs ôn lại kiến thức truyền thuyết  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Tự giới thiệu về bản thân?  **Câu 2:** Giới thiệu về người bạn thân mà em yêu quý?  **Câu 3:** Kể về gia đình mình.  **Câu 4:** Kể về ngày hoạt động của mình?  . | - Hs trả lời lý thuyết.  - Hs lập dàn ý về tự giới thiệu bản thân  - Hs lập dàn ý  về người bạn thân mà em yêu quý  - Hs lập dàn ý  về gia đình mình.  - Hs lập dàn ý  về ngày hoạt động của mình | **I. Lý thuyết**  - Hs lắng nghe  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  *Mở bài:*  – Lời chào và lý do kể.  – Em tên là Hoa học sinh lớp 6C trường THCS Phan Đình Phùng, gia đình em có 5 người, bố em, mẹ em, chị em, em, và em gái em.  *Thân bài:*  – Sở thích của em là hát, múa…  – Sở đoảng: nấu ăn.  – Môn học yêu thích là môn toán, ngữ văn.  *Kết bài*: Lời kết khi giới thiệu xong  **Câu 2:**  *Mở bài:*  – Bạn ấy tên là gì, quê quán địa chỉ ở đâu?  – Lời chào và lý do kể.  *Thân bài:*  – Lý do thích bạn ấy?  – Bạn ấy có những phẩm chất gì?  – Ngoại hình của bạn như thế nào?  – Bạn là người như thế nào đối với mọi người?  *Kết bài*:  – Nhấn mạnh lý do yêu quý bạn ấy và khẳng định đó là bạn thân của tôi.  **Câu 3:**  Mở bài:  – Gia đình ở đâu?  – Gồm có mấy người?  Thân bài:  – Nói về nghề nghiệp của bố, mẹ?  – Tính cách của bố, ẹm?  – Anh chị đang làm gì?  – Công việc ra sao?  Kết bài: Khẳng định gia đình rất hạnh phúc như thế nào?  **Câu 4:**  Mở bài:  Thời gian diễn ra hoạt động đó, tại sao bạn tham gia vào hoạt động đó?  Thân bài:  – Hoạt động đó diễn ra ở đâu.  – Mục đích của bạn khi tham gia hoạt động này?  Kết bài: Hoạt động đó để lại rất nhiều bài học quý giá như thế nào? |

***4. Củng cố:*** Kể một câu chuyện có ích của em

Ngày giảng: ngày 3 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 9**

Tiết 18: **CHỮA LỖI DÙNG TỪ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức** :

- Các lỗi dùng từ: lặp từ, lẫn lộn những từ gần âm.

- Cách chữa lỗi lặp từ, lẫn lộn những từ gần âm.

**2. Kĩ năng** :

- Bước đầu có kĩ năng phát hiện lỗi, phân tích nguyên nhân mắc lỗi dùng từ.

- Dùng từ chính xác khi nói, viết..

**3.Thái độ**: Có ý thức dùng từ đúng nghĩa

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Gv cho hs ôn lại kiến thức truyền thuyết  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Hãy lược bỏ những từ ngữ trùng lặp trong các câu sau:  a) Bạn Lan là một lớp trưởng gương mẫu nên cả lớp ai cũng đều rất lấy làm quý mến bạn Lan.  b) Sau khi nghe cô giáo kể câu chuyện ấy, chúng tôi ai cũng thích những nhân vật trong câu chuyện này vì những nhân vật ấy đều là những nhân vật có phẩm chất đạo đức tốt đẹp.  c) Quá trình vượt núi cao cũng là quá trình con người trưởng thành, lớn lên.  **Câu 2:** Hãy thay từ dùng sai trong các câu dưới đây bằng những từ khác. Theo em, nguyên nhân chủ yếu của việc dùng sai đó là gì?  a) Tiếng Việt có khả năng diễn tả linh động mọi trạng thái tình cảm của con người.  b) Có một số bạn còn bàng quang với lớp.  c) Vùng này có khá nhiều thủ tục như: ma chay, cưới xin đều cỗ bàn linh đình; ốm không đi bệnh viện mà ở nhà cúng bái,…  **Câu 3:** Bài 1 (trang 68 sgk ngữ văn 6 tập 1)  . | - Hs ôn tập lý thuyết.  - Hs thực hiện yêu cầu lược bỏ những từ ngữ trùng lặp  - Hs trả lời nguyên nhân chủ yếu của việc dùng sai  - Hs thực hiện bài tập 1 (trang 68 sgk ngữ văn 6 tập 1) | **I. Lý thuyết**  - Khái niệm và cách khắc phục về lặp từ  - Nguyên nhân và cách khắc phục lẫn lộn các từ gần âm  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  a) Bỏ các từ: bạn, ai, cũng, rất, lấy làm, bạn, Lan.  - Câu trở thành: Lan là một lớp trưởng gương mẫu nên cả lớp đều rất quý mến.  b) Bỏ: câu chuyện ấy; thay câu chuyện này bằng chuyện ấy; thay những nhân vật ấy bằng đại từ thay thế họ; thay những nhân vật bằng những người.  - Câu trở thành: Sau khi nghe cô giáo kể, chúng tôi ai cũng thích những nhân vật trong câu chuyện ấy vì họ đều là những người có phẩm chất đạo đức tốt đẹp.  c) Bỏ: Lớn lên vì nghĩa của từ này trùng với nghĩa của từ trưởng thành.  - Câu trở thành: Quá trình vượt núi cao cũng là quá trình con người trưởng thành  **Câu 2:**  a) Từ dùng sai: linh động  Thay lại: Tiếng Việt có khả năng diễn tả sinh động mọi trạng thái tình cảm của con người.  b) Từ dùng sai: bàng quang  Thay lại: Có một số bạn còn bàng quan với lớp.  c) Từ dùng sai: Thủ tục  Thay lại: Vùng này còn khá nhiều hủ tục như: ma chay, cưới xin đều cỗ bàn linh đình; ốm không đi bệnh viện mà ở nhà cúng bái...  **Câu 3:**  Bỏ một từ “bạn Lan”  - Bạn Lan là một lớp trưởng gương mẫu nên cả lớp đều rất quý mến bạn.  b, Câu lặp ba từ “nhân vật”, cần lược bỏ  - Sau khi nghe cô giáo kể câu chuyện ấy ai cũng đều thích những nhân vật trong câu chuyện này, họ là những người có phẩm chất đạo đức tốt đẹp.  c, Từ lớn lên và trưởng thành có nghĩa tương đồng nhau, cần bỏ bớt 1 từ.  - Quá trình vượt núi cao cũng là quá trình con người trưởng thành. |

***4. Củng cố:*** Chỉ dùng từ khi nào?

Ngày giảng: ngày 10 tháng 11 năm 2020

**Tuần 10**

Tiết 19:

**DANH TỪ**

**A/ Mục tiêu bài học.**

**1. Kiến thức:**

- Nắm được khái niệm về danh từ, đặc điểm của danh từ và khả năng kết hợp của danh từ. Đồng thời giúp các em nắm được chức vụ điển hình của danh từ trong câu.

**2. Kĩ năng:** Luyện kỹ năng thống kê, phân loại các danh từ.

**3. Thái độ:** Sử dụng từ đúng chuẩn mực

**B. Chuẩn bị** :

- Gv: SGK, tìm thêm ví dụ, chuẩn bị bảng phụ.

- Hs: SGK, đọc bài trước ở nhà.

**C. Tiến trình hoạt động dạy và học.**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Gv yêu cầu hs đọc ví dụ:  Vd: *“ Vua sai ban cho làng ấy ba thúng gạo nếp với ba con trâu đực, ra lệnh phải nuôi làm sao ba con trâu ấy để thành chín con...”*  - Xác định các danh từ có trên ví dụ trên?  - Các danh từ ấy biểu thị những gì?  - Vậy, danh từ là gì?  - Quan sát cụm danh từ: *“ba con trâu ấy”.*  **-** Hãy xác định danh từ trung tâm trong cụm?  - Em thấy trước và sau danh từ trung tâm là những từ nào? Ý nghĩa của những từ ấy?  - Vậy danh từ có thể kết hợp với từ loại nào để tạo thành cụm danh từ?  - Cho hs đọc ví dụ:  Vd: *Lan là học sinh*  *Ngôi làng ấy nằm ở sát bờ sông*  *Hai con mèo này rất dễ thương.*  *-* Hãy xác định chủ ngữ trong những cụm từ trên?  - Vậy chức vụ ngữ pháp của danh từ là gì?  - Cho học sinh ví dụ:  Vd: *ba con trâu*  *một viên quan*  *ba thúng gạo*  *sáu tạ thóc*  - Phân biệt về nghĩa các danh từ: con, viên, thúng, tạ với các danh từ đứng sau?  - Vậy theo em, danh từ gồm mấy loại?  - Gv cho ví dụ:  Vd*: Ba con trâu – ba chú trâu*  *Một thúng gạo – một nắm gạo*  - Đơn vị tính đếm đo lường có thay đổi không?  - Danh từ chỉ đơn vị gồm mấy nhóm?  - Cho ví dụ:  Vd: *ba tạ thóc.*  *một nắm gạo*  *-* Đơn vị đo lường của hai ví dụ trên thay đổi như thế nào?  - Danh từ chỉ quy ước gồm mấy loại?    **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Bài 1:** Tìm các dt chỉ sự vật:  + DT chỉ đồ dùng trong nhà  + DT chỉ nghề nghiệp  + DT chỉ bộ phận cơ thể người  + DT chỉ phương tiện giao thông.  **Bài 2:** Tìm các dt chỉ đơn vị (dt chỉ đơn vị tự nhiên và dt chỉ đơn vị quy ước).  - Gv chia thành 2 nhóm để làm bài tập  **Bài tập 3:** Trò chơi “ Chiếc hộp may mắn”  - GV cho học sinh bốc thăm trong hộp:  + Nếu có chữ “ Chúc bạn may mắn” thì được nhận quà tương đương trong tờ giấy.  + Nếu có một danh từ thì đặt câu với danh từ đó. | - Đọc và tìm hiểu ví dụ  - Hs xác định  - Hs trả lời  - Dựa vào những tìm hiểu ở trên, trả lời  - Quan sát cụm danh từ.  - Hs xác định  - Suy nghĩ trả lời  - Dựa vào những tìm hiểu ở trên, trả lời.  - Đọc và tìm hiểu ví dụ  - Hs xác định  - Dựa vào những tìm hiểu ở trên, trả lời  - Đọc và tìm hiểu ví dụ  - Hs suy nghĩ, phân biệt  - Suy nghĩ trả lời  - Đọc và tìm hiểu ví dụ  - Suy nghĩ trả lời  - Dựa vào những tìm hiểu ở trên, trả lời.  - Đọc và tìm hiểu ví dụ  - Suy nghĩ trả lời  - Dựa vào những tìm hiểu ở trên, trả lời.    - Hs tìm danh từ chỉ sự vật  - Hs tìm danh từ chỉ đơn vị.  - Hs chơi trò chơi | **I. Đặc điểm của danh từ**  **-** Nhận xét:  + Danh từ vua: chỉ người  + Danh từ “thúng , gạo, nếp, con, trâu”: chỉ sự vật  + Danh từ “làng”: chỉ khái niệm  + Danh từ “nắng, mưa, gió”: chỉ hiện tượng.  - Danh từ là những từ chỉ người, vật, hiện tượng, khái niệm...  - Danh từ có thể kết hợp với từ chỉ số lượng ở phía trước, các từ **này, ấy, đó...** ở phía sau và một số từ ngữ khác để thành lập một cụm danh từ.  - Nhận xét  + *Lan / là học sinh*  CN VN  *+ Ngôi làng ấy/nằm ở sát bờ sông*  CN  VN  *+Hai con mèo này /rất dễ thương*  *CN VN*  - Chức vụ điển hình trong câu của danh từ là chủ ngữ. Khi làm vị ngữ, danh từ cần có từ là đứng trước.  - Nhận xét:  + con, viên, thúng, tạ  => Chỉ đơn vị đo lường  + trâu, quan, gạo, thóc  => chỉ vật, người, sự vật  - Danh từ tiếng Việt chia thành hai loại lớn:  + Danh từ chỉ đơn vị : nêu tên đơn vị dùng để tính đếm, đo lường, sự vật.  + Danh từ chỉ sự vật: Nêu tên từng loại hoặc từng cá thể người, vật, hiện tượng, khái niệm...  - Nhận xét:  + ba con trâu – ba chú trâu: đơn vị không thay đổi.  + một thúng gạo – một nắm gạo: đơn vị thay đổi  - Danh từ chỉ đơn vị gồm hai nhóm:  + Danh từ chỉ đơn vị tự nhiên  + Danh từ chỉ đơn vị quy ước  - Nhận xét  + ba tạ thóc: đơn vị quy ước chính xác  + một nắm gạo: đơn vị quy ước không chính xác.  - Danh từ chỉ quy ước gồm 2 loại: + Danh từ chỉ đơn vị chính xác  + Danh từ chỉ đơn vị ước chừng.  **II. Luyện tập**  **Bài 1**  - DT chỉ đồ dùng trong nhà: tủ, bàn, ghế, kệ sách, quạt may, máy giặt  - DT chỉ nghề nghiệp: giáo viên, kĩ sư, công nhân, hướng dẫn viện du lịch, ...  - DT chỉ bộ phận cơ thể người: Đầu, tay, chân, mắt, miệng,,,,  - DT chỉ phương tiện giao thông: xe đạp, xe máy, ô tô, máy bay, tàu hỏa....  **Bài 2:**  - DT chỉ đv tự nhiên: con, cái, chiếc, cục, mẩu, miếng, ngôi, quyển, tờ, hạt, giọt, hòn, sợi...  - Dt chỉ đv quy ước:  + kí lô gam, gam, kí lô mét, mét, cen ti met, yến, tạ...  + ước chừng: nắm, mớ, thúng, bầy ... |

**4. Củng cố, dặn dò:**

- Giáo viên hệ thống lại bài học

- Học thuộc ghi nhớ và hoàn thiện bài tập

Ngày giảng: ngày 10 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 10**

Tiết 20: **DANH TỪ (tt)**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức** :

- Giúp hs ôn lại đặc điểm của nhóm danh từ chung, danh từ riêng.

- Cách viết danh từ riêng.

**2. Kĩ năng** :

- Nhận biết DT chung và DT riêng.Viết hoa DT riêng

**3. Thái độ**: Có ý thức viết hoa DT riêng

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Gv cho hs ôn lại kiến thức truyền thuyết  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1: T**ìm danh từ chung và danh từ riêng trong câu văn sau:  Ngày xưa, / ở / miền / đất / Lạc Việt / cứ / như / bây giờ / là / Bắc Bộ / nước / ta, / có / một / vị / thần / thuộc / nòi / rồng, / con trai / thần / Long Nữ, / tên / là / Lạc Long Quân.  (Con Rồng cháu Tiên)  **Câu 2:** Các từ được in đậm được đây có phải là danh từ riêng hay không? Vì sao?  a) Chim, Mây, Nước và Hoa đều cho rằng tiếng hót kì diệu của Hoạ Mi đã làm cho tất cả bừng tỉnh giấc.  b) Nàng Út bẽn lẽn dâng lên vua mâm bánh nhỏ.  c) [...] Khi ngựa thét ra lửa, lửa đã thiêu cháy một làng, cho nên làng đó về sau gọi là làng Cháy.  **Câu 3:** Có bạn chép đoạn thơ trong SGK- tr.110 SGK Ngữ văn 6 tập 1 của nhà thơ Tố Hữu mà quên viết hoa một số danh từ riêng. Em hãy viết lại các danh từ riêng ấy cho đúng. | - Hs trả lời lý thuyết.  - Hs tìm danh từ  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs viết lại các danh từ riêng | **I. Lý thuyết**  - Khái niệm về danh từ riêng, danh từ chung  - Các quy tắc viết hoa danh từ riêng  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Các danh từ chung: ngày xưa, miền, đất, nước, thần, nòi, rồng, con trai, tên.  - Các danh từ riêng: Lạc Việt, Bắc bộ, Long Nữ, Lạc Long Quân.  **Câu 2:**  Các từ in đậm:  a) Chim, Mây, Nước Hoa  b) út  a) Cháy  🡪 đều là những danh từ riêng vì chúng được dùng để gọi tên riêng của một sự vật cá biệt, duy nhất mà không phải dùng để gọi chung một loại sự vật.  **Câu 3:**  Viết hoa lại các DT riêng trong đoạn thơ:  Tiền Giang, hậu Giang, Đồng Tháp, Pháp, Khánh Hoà, Phan Giang, Phan Thiết, Tây Nguyên, Công Tum, Đắc Lắc, miền Trung, Sông Hương, Bến Hải, Cửa Tùng, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. |

***4. Củng cố:*** Thế nào là danh từ chung, danh từ riêng. Cách viết danh từ riêng

Ngày giảng: ngày 17 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 11**

Tiết 21: **LUYỆN NÓI KỂ CHUYỆN (tt)**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức** :

- Biết lập dàn bài cho bài kể miệng theo 1 đề bài.

- Biết kể theo dàn bài, không kể theo bài viết sẵn hay học thuộc lòng.

**2. Kĩ năng** :

- Rèn luyện nói trước lớp.

**3. Thái độ**: Tự tin, nói theo chủ đề

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Gv cho hs ôn lại kiến thức truyền thuyết  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** “Kể về một cuộc thăm hỏi gia đình liệt sĩ neo đơn”.  **Câu 2:** “Kể về một cuộc đi thăm di tích lịch sử”.  **Câu 3:** “Kể về một chuyến ra thành phố” | - Hs trả lời lý thuyết.  - Hs kể về một cuộc thăm hỏi gia đình liệt sĩ neo đơn  - Hs trả lời  - Hs trả lời | **I. Lý thuyết**  - Nêu yêu cầu của tiết luyện nói  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  1. Mở bài: Em giới thiệu chung về gia đình liệt sĩ neo đơn.  2. Thân bài:  - Hoàn cảnh gia đình: vợ liệt sĩ ở một mình và không có con cái chăm sóc.  - Các sự việc:  + Ở trong một ngôi nhà lụp xụp, đồ đạc trong nhà không có gì giá trị.  + Nghe bà kể về câu chuyện thời xưa => cảm xúc nghẹn ngào, khó tả.  + Chúng em cùng các bác ở tổ dân phố đã đóng góp và xin được trợ cấp xây nhà cho bà một cái nhà mới khang trang hơn.  3. Kết bài: Em và các bạn sẽ làm nhiều việc ý nghĩa như vậy  **Câu 2:**  1. Mở bài: Giới thiệu chung về nơi em đến thăm.  2. Thân bài:  - Không gian  - Trên đường đi có các anh, chị hướng dẫn viên giới thiệu sơ qua nơi em đến.  - Đến tận nơi thấy di tích đó ra sao?  - Suy nghĩ của em để bảo tồn và phát triển di tích đó.  3. Kết bài: Cảm xúc của em khi đến với di tích và mong muốn điều gì ở tương lai.  **Câu 3:**  1. Mở bài: Giới thiệu chung về đợt em ra thành phố.  2. Thân bài:  - Em ra thành phố đợt này với ai?  - Trên đường đi, em nghĩ về thành phố như thế nào?  - Thành phố thực sự:  + Đông đúc, nhộn nhịp  + Nhiều xe cộ, trung tâm thương mại và khu vui chơi giải trí.  + Con người mến khách, thân thiện  + Em được đến thăm Lăng Bác và chơi ở Hồ Gươm |

***4. Củng cố:*** Nêu yêu cầu của tiết luyện nói

Ngày giảng: ngày 17 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 11**

Tiết 22: **LUYỆN NÓI KỂ CHUYỆN (tt)**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức** :

- Biết lập dàn bài cho bài kể miệng theo 1 đề bài.

- Biết kể theo dàn bài, không kể theo bài viết sẵn hay học thuộc lòng.

**2. Kĩ năng** :

- Rèn luyện nói trước lớp.

**3. Thái độ**: Tự tin, nói theo chủ đề

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Gv cho hs ôn lại kiến thức truyền thuyết  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Tập nói một đoạn mở đầu kể về một chuyến đi chơi theo một trong các mẫu sau :  **Câu 2:** “Tập nói một đoạn về những điều em thấy trong chuyến tham quan | - Hs trả lời lý thuyết.  - Hs tập nói từng cá nhân trước lớp  - Hs tập nói từng cá nhân trước lớp | **I. Lý thuyết**  - Nêu yêu cầu của tiết luyện nói  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  Em ước mong lên thành phố... chơi đã lâu. Vừa rồi... nhờ... em mới có dịp lên thành phố...  - Em từ lâu ước mơ một cuộc chơi xuân, một hôm ước mơ đó tự nhiên thực hiện được. Cô giáo chủ nhiệm tổ chức cho cả lớp đi chơi... Hôm ấy cả lớp, ai nấy khoác ba lô nhỏ sau lưng, tập trung tại sân trường. Mọi người đoán già, đoán non, chưa biết đi đâu. Một lát, cô giáo đến, xe đến. Thế là chúng em được đi chơi...  - Từ bé, em đã mong có ngày trèo lên ngọn núi cao trong huyện nhà, nhưng chưa có dịp nào thực hiện. Mùa hè năm nay, nhân anh trai em tốt nghiệp đại học về quê, trong khi chờ nhận công tác, anh hào hứng dắt em leo núi. Thế là em được đi chơi.  - Tuy di tích... rất nổi tiếng ở quê em, nhưng em chưa có dịp nào đến tham quan. Vừa rồi lớp em tổ chức...  **Câu 2:**  1 . Đoạn mở đầu nói ra dễ dàng sẽ tạo cho em tâm lí tự tin khi kể chuyện trước lớp. Mở đầu phải nói được lí do một cách ngắn gọn. Em có thể tưởng tượng một chuyến đi, hoặc kể lại một chuyến đi có thật. Dù là tưởng tượng hay đi thực thì địa điểm của chuyến đi chơi phải có thật.  2. Em có thể luyện tập kể những điều trông thấy bằng cách kể những điều em thấy trên đường từ nhà đến trường và ngược lại. Để phù hợp với mục đích của bài tập là kể về những điều em trông thấy trong chuyến tham quan, thì em phải lưu ý là, những điều em thấy phải sát thực và có ý nghĩa. Ví dụ, về quê em thấy những thay đổi ở nông thôn, hoặc những hiện tượng ở thành phố mà em thấy. Tránh viết những điều sáo mòn, cũ kĩ như đồng quê lúa vàng, nông dân vui vẻ gặt hái hoặc thành phố nhà máy san sát, ống khói toả lên trời xanh, |

***4. Củng cố:*** Nêu yêu cầu của tiết luyện nói

Ngày giảng: ngày 24 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 12**

Tiết 23: **DANH TỪ (tt)**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức** :

- Giúp hs ôn lại đặc điểm của nhóm danh từ chung, danh từ riêng.

- Cách viết danh từ riêng.

**2. Kĩ năng** :

- Nhận biết DT chung và DT riêng.Viết hoa DT riêng

**3. Thái độ**: Có ý thức viết hoa DT riêng

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Gv cho hs ôn lại kiến thức truyền thuyết  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Liệt kê một số danh từ chỉ sự vật mà em biết. Đặt câu với một trong các danh từ ấy.  **Câu 2:** Liệt kê các danh từ chỉ đơn vị quy ước chính xác và từ chỉ đơn vị quy ước ước chừng.  **Câu 3:** Tìm các danh từ chung và danh từ riêng trong đoạn văn sau, ghi vào bảng phân loại ở dưới :  Chúng tôi / đứng / trên / núi / Chung /. Nhìn / sang / trái / là / dòng / sông / Lam / uốn khúc / theo / dãy / núi / Thiên Nhân /. Mặt / sông / hắt / ánh / nắng / chiếu / thành/ một / đường / quanh co / trắng xoá /. Nhìn / sang / phải / là / dãy / núi / Trác / nối liền / với / dãy / núi / Đại Huệ / xa xa /. Trước / mắt / chúng tôi /, giữa / hai / dãy / núi / là / nhà / Bác Hồ/  **Câu 4:**  a) Viết họ và tên của ba bạn nam, ba bạn nữ trong lớp em.  b) Họ và tên các bạn ấy là danh từ chung hay danh từ riêng ? Vì sao ? | - Hs trả lời lý thuyết.  - Hs liệt kê và đặt câu  - Hs liệt kê danh từ  - Hs tìm các danh từ chung và danh từ riêng  - Hs trả lời | **I. Lý thuyết**  - Khái niệm về danh và danh ttừ riêng, danh từ chung  - Các quy tắc viết hoa danh từ riêng  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  + Liệt kê một số danh từ chỉ sự vật:  Sách, vở, áo quần, bút, mực, bàn, ghế, nhà cửa, cầu cống, phố xá, trường học, giường, lược.  + Đặt câu:  - Chiếc bút này em mới mua hôm qua.  - Bàn ghế thẳng tắp từng hàng ngay ngắn.  **Câu 2:**  + Từ chỉ đơn vị quy ước chính: Mét, lít, ki lô gam, tấn, tạ, yến, mét vuông, mét khối, héc ta.  + Từ chỉ đơn vị quy ước ước chừng: Thúng, đấu, nia, loong (đong gạo), bát, nắm, đàn, bầy, bó.  **Câu 3:**  - Danh từ chung: núi, dòng, sông, dãy, mặt, sông, ánh, nắng, đường, dãy nhà, trái, phải, giữa trước  Danh từ riêng: Chung, Lam, Thiên Nhẫn, Đại Huệ Trác, Bác Hồ  **Câu 4:**  a) Viết họ và tên của 3 bạn nam, 3 bạn nữ em biết.  - Họ và tên ba bạn nam :  + Trịnh Văn Nguyên  + Đỗ Minh Khang  + Đỗ Thái Hòa  - Họ và tên ba bạn nữ :  + Nguyễn Thị Mỹ Linh  + Trần Thu Thủy  + Đỗ Ngọc Phương Trinh  b) Họ và tên các bạn ấy là danh từ riêng, do đó phải viết hoa cả họ và tên đệm. |

***4. Củng cố:*** Thế nào là danh từ, danh từ chung, danh từ riêng? Cách viết danh từ riêng?

Ngày giảng: ngày 24 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 12**

Tiết 24:  **CỤM DANH TỪ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức** :

- Học sinh nắm được thế nào là định ngữ và cụm danh từ.

- Cấu tạo của cụm danh từ: Phần trước, phần trung tâm, phần sau.

**2. Kĩ năng** :

- Đặt câu có sử dụng cụm danh từ

**3. Thái độ**: Nhận biết cụm danh từ.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Gv cho hs ôn lại kiến thức truyền thuyết  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Tìm các cụm danh từ có trong những câu văn trong bài tập 1.  **Câu 2:** Xác định cụm danh từ trong các câu sau:  a) các nhà hảo tâm đang giúp đỡ những đứa trẻ mồ côi  b) chiếc thuyền nga nghiêng rồi bị chôn vùi trong những lớp sóng hung dư  c) dùng cây bút thần,Mã Lương vẽ cho tất cả người nghèo trong làng  đ) trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường  e) hằng ngày nó cất tiếng kêu ôm op làm vang động cả tiếng khiến các con vật kia rất hoảng sợ. Ếch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể  **Câu 3:** Tìm phụ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong đoạn trích:  Khi kéo lưới lên, thấy nằng nặng, Lê Thận chắc mẩm được mẻ cá to. Nhưng khi thò tay vào bắt cá, chàng chỉ thấy có một thanh sắt. Chàng vứt luôn thanh sắt ... xuống nước, rồi lại thả lưới ở một chỗ khác.  Lần thứ hai cất lưới lên cũng thấy nặng tay, Thận không ngờ thanh sắt ... lại chui vào lưới mình. Chàng lại ném nó xuống sống. Lần thứ ba, vẫn thanh sắt ... mắc vào lưới.  **Câu 4:** Trong cụm danh từ in đậm trong câu sau "...Quê hương là những bà con thỉnh thoảng ghé thăm cho em nào nếp, nào lạc", danh từ trung tâm là :  **Câu 5:** Cụm danh từ nào chỉ có một thành tố trong phần trung tâm? | - Hs trả lời lý thuyết.  - Hs thực hiện bài tập 1  - Hs xác định  - Hs tìm phụ ngữ  - Hs trả lời  - Hs trả lời | **I. Lý thuyết**  - Cụm danh từ là gì?  - Cấu tạo của cụm danh từ  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  Các cụm danh từ có trong các câu:  a) một người chồng thật xứng đáng  b) một lưỡi búa của cha để lại  c) một con yêu tinh ở trên núi có nhiều phép lạ  **Câu 2:**  + các nhà hảo tâm ,những đứa trẻ b)chiếc thuyền nga nghiêng, những lớp sóng . c)cây bút thần. d)những bức tranh, bốn bức tường.  e)các con vật.  **Câu 3:**  Khi kéo lưới lên, thấy nằng nặng, Lê Thận chắc mẩm được mẻ cá to. Nhưng khi thò tay vào bắt cá, chàng chỉ thấy có một thanh sắt. Chàng vứt luôn thanh sắt **vừa kéo lên** xuống nước, rồi lại thả lưới ở một chỗ khác.  Lần thứ hai cất lưới lên cũng thấy nặng tay, Thận không ngờ thanh sắt **lúc nãy** lại chui vào lưới mình. Chàng lại ném nó xuống sống. Lần thứ ba, vẫn thanh sắt **ấy** mắc vào lưới.  **Câu 4:**  - Danh từ trung tâm là bà con  .  **Câu 5:**  - Thành phố bên sông Hồng |

***4. Củng cố:***

***-*** Thế nào là cụm danh từ?

- Cụm danh từ có cấu tạo như thế nào

Ngày giảng: ngày 31 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 13**

Tiết 25:  **LƯỢNG TỪ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**\* Kiến thức** :

- Biết được công dụng ý nghĩa của lượng từ. Biết dùng đúng nó khi nói và viết.

- Tích hợp với phần văn ở hai truyện cười và phần tập làm văn .

**\* Kĩ năng** :

- Nhận diện được lượng từ

- Vận dụng lượng từ khi nói và viết.

**\* Thái độ**: Sử dụng khi làm văn.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Gv cho hs ôn lại kiến thức truyền thuyết  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Nghĩa của các từ in đậm trong các câu văn trên có gì giống và khác nghĩa của số từ?  "[...] Các hoàng tử phải cởi giáp xin hàng. Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thiết đãi những kẻ thua trận. Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn ăn.  **Câu 2:** Các từ in đậm trong hai dòng thơ sau được dùng với ý nghĩa như thế nào?  Con đi trăm núi ngàn khe  Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm  (Tố Hữu) | - Hs trả lời lý thuyết.  - Hs trả lời  - Hs trả lời | **I. Lý thuyết**  - Khái niệm về lượng từ  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  Các từ in đậm trong câu giống với số từ: đứng trước danh từ.  -  Tuy nhiên, nó có điểm khác với số từ:  + Số từ: chỉ số lượng hoặc thứ tự sự vật.  + Các từ in đậm: chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật, chỉ một cách ước chừng. Đó chính là các lượng từ.  **Câu 2:**  **-** Các từ in đậm trong hai dòng thơ: trăm, ngàn, muôn đều được dùng để chỉ số lượng nhiều, rất nhiều |

***4. Củng cố:*** công dụng ý nghĩa của lượng từ

Ngày giảng: ngày 31 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 13**

Tiết 26:  **SỐ TỪ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức** :

- Biết được công dụng ý nghĩa của số từ. Biết dùng đúng nó khi nói và viết.

- Tích hợp với phần văn ở hai truyện cười và phần tập làm văn .

**2. Kĩ năng** :

- Nhận diện được số từ

- Vận dụng số từ khi nói và viết.

**3. Thái độ**: Sử dụng khi làm văn.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Gv cho hs ôn lại kiến thức truyền thuyết  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Tìm số từ trong bài thơ sau. Xác định ý nghĩa của những số từ ấy.  Không ngủ được  Một canh… hai canh… lại ba canh  Trằn trọc băn khoăn, giấc chẳng thành;  Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,  Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.  (Hồ Chí Minh**)**  **Câu 2:** Xác định số từ, lượng từ trong các ví dụ sau  a) Một cây làm chẳng nên non ba cây chụm lại nên hòn núi cao  B) Lần thứ ba thức dây anh hốt hoảng giật mình bác vẫn ngồi đinh ninh chòm râu im phăng phắc  c) Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình | - Hs trả lời lý thuyết.  - Hs tìm số từ  - Hs trả lời | **I. Lý thuyết**  - Khái niệm về số từ  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  Số từ có trong bài thơ:  - một canh, hai canh, ba canh, năm canh: số từ chỉ số lượng.  - canh bốn, canh năm: số từ chỉ số thứ tự.    **Câu 2:**  a. Số từ: một, ba  b.ba c. Mười lăm |

***4. Củng cố:*** công dụng ý nghĩa của số từ

Ngày giảng: ngày 8 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 14**

Tiết 27:  **ÔN TẬP TRUYỆN DÂN GIAN**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức** :

- Giúp hs nắm được đặc điểm của các thể loại truyện dân gian.

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của các truyện.

- Nắm được nghệ thuật xây dựng truyện.

**2. Kĩ năng** :

- So sánh sự giống và khác nhau giữa các truyện

- Kể lại được truyện

**3. Thái độ**: Giáo dục lòng yêu thích truyện dân gian.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Gv cho hs ôn lại kiến thức truyền thuyết  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Hãy đọc lại, ghi chép định nghĩa về các thể loại: truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười.  **Câu 2:** Viết lại tên những truyện dân gian (theo thể loại) mà em đã học và đã đọc (kể cả truyện nước ngoài | - Hs trả lời lý thuyết.  - Hs trả lời  - Hs suy nghĩ và viết tên | **I. Lý thuyết**  - Khái niệm về truyền thuyết  - Khái niệm về cổ tích  - Khái niệm về ngụ ngôn  - Khái niệm về truyện cười  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Truyền thuyết: Loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo. Truyền thuyết thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể.  - Truyện cổ tích: Là loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật bất hạnh, nhân vật dũng sĩ, có tài năng kì lạ, nhân vật thông minh hoặc nhân vật ngốc nghếch... Truyện có yếu tố hoang đường thể hiện ước mơ và niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác.  - Truyện ngụ ngôn: Loại truyện kể về văn xuôi hoặc văn vần, mượn truyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người, nhằm khuyên nhủ, răn dạy con người bài học nào đó trong cuộc sống.  - Truyện cười: Loại truyện kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo ra tiếng cười mua vui hoặc phê phán những thói hư, tật xấu trong xã hội. **Câu 2:**  *\* Truyền thuyết*  - Con Rồng cháu tiên.  - Bánh chưng, bánh giầy.  - Thánh Gióng  - Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.  - Sự tích Hồ Gươm  *\* Cổ tích*  - Sọ Dừa  - Thạch Sanh  - Em bé thông mỉnh.  - Cây bút thần.  - Ông lão đánh cá và con cá vàng  \* Truyện ngụ ngôn  - Êch ngồi đáy giếng  - Thầy bói xem voi.  - Đeo nhạc cho mèo  - Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng  \* Truyện cười  1. Treo biển  2. Lợn cưới áo mới |

***4. Củng cố:*** đặc điểm của các thể loại truyện dân gian

Ngày giảng: ngày 8 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 14**

Tiết 28:  **ÔN TẬP TRUYỆN DÂN GIAN**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức** :

- Giúp hs nắm được đặc điểm của các thể loại truyện dân gian.

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của các truyện.

- Nắm được nghệ thuật xây dựng truyện.

**2. Kĩ năng** :

- So sánh sự giống và khác nhau giữa các truyện

- Kể lại được truyện

**3. Thái độ**: Giáo dục lòng yêu thích truyện dân gian.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Gv cho hs ôn lại kiến thức truyền thuyết  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa truyền thuyết và truyện cổ tích.  **Câu 2:** So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa truyện ngụ ngôn và truyện cười | - Hs trả lời lý thuyết.  - Hs so sánh  - Hs so sánh | **I. Lý thuyết**  - Khái niệm về truyền thuyết  - Khái niệm về cổ tích  - Khái niệm về ngụ ngôn  - Khái niệm về truyện cười  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Sự giống nhau và khác nhau giữa truyền thuyết và truyện cổ tích :  - Giống nhau:  + Đều là thể loại tự sự của văn học dân gian;  + Đều có yếu tố tưởng tượng kì ảo;  + Có nhiều chi tiết giống nhau : sợ ra đời thần kì, nhân vật chính có những tài năng phi thường,...  - Khác nhau:  + Truyền thuyết kể về các nhân vật, sự kiện lịch sử và thể hiện cách đánh giá của nhân dân đối với những nhân vật, sự kiện lịch sử được kể; còn truyện cổ tích kể về cuộc đời của các loại nhân vật nhất định và thể hiện quan niệm, ước mơ của nhân dân về cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác,...  + Truyền thuyết đươc cả người kể lẫn người nghe tin là những chuyện có thật (mặc dù trong đó có cả những chi tiết tưởng tượng kì ảo); còn truyện cổ tích được cả người kể lẫn người nghe coi là những câu chuyện không có thật (mặc dù trong đó có những yếu tố thực).  + Truyền thuyết thường gắn với các chứng tích văn hoá (phong tục, lễ hội,...).  **Câu 2:**  Sự giống nhau và khác nhau giữa truyện ngụ ngôn và truyện cười:  - Giống nhau:  Truyện ngụ ngôn thường chê giễu, phê phán những hành động, cách ứng xử trái với điều truyện muốn răn dạy người ta. Vì thế nhiều truyện ngụ ngôn như Thầy bói xem voi, Đeo nhạc cho mèo, giống như truyện cười; cũng thường gây cười.  - Khác nhau:  Mục đích của truyện cười là gây cười để mua vui hoặc châm biếm, phê phán những sự việc, hiện tượng, tính cách đáng cười ; còn mục đích của truyện ngụ ngôn là khuyên nhủ, răn dạy người ta một bài học cụ thể nào đó trong cuộc sống. |

***4. Củng cố:*** đặc điểm của các thể loại truyện dân gian

Ngày giảng: ngày 15 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 15**

Tiết 29:  **CHỈ TỪ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức** :

- Hiểu được ý nghĩa và công dụng của chỉ từ.

**2. Kĩ năng** :

- Luyện kĩ năng nhận biết và sử dụng chỉ từ thích hợp khi nói và viết

**3. Thái độ**: Yêu Tiếng Việt

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Gv cho hs ôn lại kiến thức truyền thuyết  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** So sánh các từ và cụm từ sau đây, từ đó rút ra ý nghĩa của những từ được in đậm.  - ông vua / ông vua nọ  - viên quan / viên quan ấy  - làng / làng kia  - nhà / nhà nọ  **Câu 2:** Nghĩa của các từ ấy, nọ trong những câu sau có điểm nào giống và điểm khác với các trường hợp đã phân tích.  “Hồi ấy, ở Thanh Hoá có một người đánh cá tên là Lê Thận. Một đêm nọ, Thận thả lưới ở một bến vắng như thường lệ”.  **Câu 3:** Tìm chỉ từ trong những câu sau đây. Xác định ý nghĩa và chức vụ của các chỉ từ ấy.  a) Vua cha xem qua một lượt rồi dừng lại trước chồng bánh của Lang Liêu, rất vừa ý, bèn gọi lên hỏi. Lang Liêu đem giấc mộng gặp thần ra kể lại. Vua cha ngẫm nghĩ rất lâu rồi chọn hai thứ bánh ấy đem tế Trời, Đất cùng Tiên vương.  (Bánh chưng, bánh giầy)  b) Đấy vàng, đây cũng đồng đen  Đấy hoa thiên lí, đây sen Tây Hồ.  (Ca dao)  c) Nay ta đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau cai quản các phương.  (Con Rồng cháu Tiên)  d) Từ đó nhuệ khí của nghĩa quân ngày một tăng. | - Hs trả lời lý thuyết.  - Hs so sánh  - Hs nêu điểm giống và khác nhau  - Hs tìm chỉ từ | **I. Lý thuyết**  - Khái niệm về chỉ từ  - Hoạt động chỉ từ trong câu  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Nghĩa của các từ ông vua ấy, viên quan ấy, làng kia, nhà nọ đã được cụ thể hoá, được xác định một cách rõ ràng trong không gian. Trong khi đó các từ ngữ ông vua, viên quan, làng, nhà còn thiếu tính xác định.  **Câu 2:**  - So sánh các từ ấy (hồi ấy), nọ (đêm nọ) với các từ đã phân tích ở trên, ta thấy:  - Giống nhau:  Cùng xác định vị trí của sự vật.  - Khác nhau:  + Các từ: viên quan ấy, nhà nọ ⟶ định vị sự vật trong không gian.  + các từ hồi ấy, đêm nọ ⟶ định vị sự vật về thời gian  **Câu 3:** Các chỉ từ có trong các câu và ý nghĩa, chức vụ của chúng là:  a) hai thứ bánh ấy:  - Định vị sự vật trong không gian  - Làm phụ ngữ sau trong cụm danh từ.  b) đấy, đây  - Định vị sự vật trong không gian  - Làm chủ ngữ  c) nay  - Định vị sự vật trong thời gian  - Làm trạng ngữ  d) đó:  - Định vị sự vật trong thời gian  - Làm trạng ngữ |

***4. Củng cố:*** công dụng của chỉ từ.

Ngày giảng: ngày 15 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 15**

Tiết 30:  **CHỈ TỪ (tt)**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức** :

- Hiểu được ý nghĩa và công dụng của chỉ từ.

**2. Kĩ năng** :

- Luyện kĩ năng nhận biết và sử dụng chỉ từ thích hợp khi nói và viết

**3. Thái độ**: Yêu Tiếng Việt

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Gv cho hs ôn lại kiến thức truyền thuyết  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Cụm từ in đậm dưới đây bằng những chỉ từ thích hợp và giải thích vì sao cần thay như vậy.  a) Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc (Sóc Sơn). Đến chân núi Sóc, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời.  (Theo Thánh Gióng)  b) Người ta còn nói, khi ngựa thét ra lửa, lửa đã thiêu cháy một làng, cho nên làng bị lửa thiêu cháy về sau gọi là làng Cháy.  **Câu 2:** Có thể thay các chỉ từ trong đoạn văn dưới đây bằng những từ hoặc cụm từ nào không? Rút ra nhận xét về tác dụng của chỉ từ.  Năm ấy, đến lượt Lí Thông nộp mình. Mẹ con hắn nghĩ kế lừa Thạch Sanh chết thay. Chiều hôm đó, chờ Thạch Sanh kiếm củi về, Lí Thông dọn một mâm rượu thịt ê hề mời ăn, rồi bảo:  - Đêm nay, đến phiên anh canh miếu thờ, ngặt vì dở cất mẻ rượu, em chịu khó thay anh, đến sáng thì về.  **Câu 3:** Đặt ba câu có chỉ từ, trong đó :  - Một câu có chỉ từ làm chủ ngữ ;  - Một câu có chỉ từ làm trạng ngữ ;  - Một câu có chỉ từ làm phụ ngữ của cụm danh từ. | - Hs trả lời lý thuyết.  - Hs trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs trả lời | **I. Lý thuyết**  - Khái niệm về chỉ từ  - Hoạt động chỉ từ trong câu  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  a) đến chân núi Sóc = đến đấy  b) làng bị lửa thiêu cháy = làng ấy  Thay như vậy để khỏi lặp từ  **Câu 2:**  - Không thể thay các chỉ từ: Năm ấy, chiều hôm đó, đêm nay trong đoạn văn được.  - Chỉ từ có vai trò rất quan trọng. Chúng có thể chỉ ra những sự vật, thời điểm khó gọi thành tên, giúp người nghe, người đọc định vị được các sự vật, thời điểm ấy trong chuỗi sự vật hay trong dòng thời gian vô hạn.  **Câu 3:** Đó là niềm tự hào của chúng tôi. (chủ ngữ)  - Nay, tôi phải đi rồi. (trạng ngữ)  - Tôi rất thích điều đó. (phụ ngữ của cụm danh từ) |

***4. Củng cố:*** công dụng của chỉ từ.

Ngày giảng: ngày 22 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 16**

Tiết 31:  **ĐỘNG TỪ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức** :

- Giúp HS nắm được đặc điểm của động từ và một số loại động từ quan trọng.

**2. Kĩ năng** :

- Nhận biết động từ

**3. Thái độ**: Sử dụng khi giao tiếp

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Gv cho hs ôn lại kiến thức truyền thuyết  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Lựa chọn câu mà em cho là đúng trong các cặp câu sau. Từ đó, tìm đặc điểm phân biệt danh từ với động từ.  a) Trong câu : Tôi hi vọng vào nó.  b) Trong câu : Nó làm tiêu tan hi vọng của tôi.  c) Trong câu : Mấy hôm nay, ông ấy lo lắng nhiều quá.  d) Trong câu : Đó là những lo lắng vô ích.  **Câu 2:** Câu 1 (trang 147 sgk Ngữ Văn 6 Tập 1):  **Câu 3:** Câu 2 (trang 147 sgk Ngữ Văn 6 Tập 1) | - Hs trả lời lý thuyết.  - Hs lựa chọn  - Hs trả lời  - Hs trả lời | **I. Lý thuyết**  - Khái niệm về động từ  - Đặc điểm chính của động từ  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  a) - Từ hi vọng là danh từ.  - Từ hi vọng là động từ  b) - Từ hi vọng là danh từ.  -Từ hi vọng là động từ  c) - Từ lo lắng là động từ.  - Từ lo lắng là danh từ  d) - Từ lo lắng là động từ.  - Từ lo lắng là danh từ.  **Câu 2**: Động từ trong truyện Lợn cưới, áo mới:  - Động từ chỉ hành động, trạng thái: may, mặc, đem, đi, hỏi, chạy, giơ, bảo, thấy, tức tối, tất tưởi, ...  - Động từ tình thái: đem, hay, ...  **Câu 3:**  - Câu chuyện buồn cười ở tính keo kiệt của anh chàng nọ. Cách sử dụng động từ “cầm” và “đưa” thể hiện hai ý nghĩa hoàn toàn trái ngược nhau. “Cầm” là nhận từ người khác, còn “đưa” mang nghĩa trao cho người khác. |

***4. Củng cố:*** đặc điểm của động từ?

Ngày giảng: ngày 22 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 16**

Tiết 32:  **CỤM ĐỘNG TỪ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức** :

- Giúp HS tìm hiểu được cấu tạo của cụm động từ.

**2. Kĩ năng** :

- Sử dụng cụm động từ.

**3. Thái độ**: Sử dụng khi giao tiếp

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Gv cho hs ôn lại kiến thức truyền thuyết  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1** : Bài 1 (trang 148 sgk ngữ văn 6 tập 1)  **Câu 2:** Nêu ý nghĩa của các phụ ngữ được in đậm trong đoạn dưới đây. Việc dùng các phụ ngữ này trước động từ miêu tả hành động của người cha và viên quan nói lên điều gì về trí thông minh của chú bé trong truyện Em bé thông minh:  “Người cha đứng ngẩn ra chưa biết trả lời thế nào thì đứa con chừng bảy, tám tuổi nhanh miệng hỏi vặn lại quan […]. Viên quan nghe cậu bé hỏi lại như thế thì há hốc mồm sửng sốt, không biết đáp sao cho ổn. Quan thầm nghĩ, nhất định nhân tài ở đây rồi, chả phải tìm đâu mất công”.  (Em bé thông minh)  **Câu 3:** Câu 2 (trang 147 sgk Ngữ Văn 6 Tập 1)  **Câu 4:** Viết một câu trình bày ý nghĩa của truyện Treo biển. Chỉ ra các cụm động từ có trong đoạn văn đó. | - Hs trả lời lý thuyết.  - Hs làm bài 1  - Hs nêu ý nghĩa  - Hs làm bài tập  - Hs viết | **I. Lý thuyết**  - Khái niệm về cụm động từ  - Các loại động từ chính  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  Các cụm động từ:  a, còn đang đùa nghịch ở sau nhà  b, yêu thương Mị Nương hết mực  c, đành tìm cách giữ sứ thần  **Câu 2**:  - Các từ in đậm: chưa (hành động có thể xảy ra và không (hành động không thể xảy ra).  → Thể hiện sự thông minh nhanh trí của chú bé khi người cha chưa kịp phản ứng thì chú bé đã có câu trả lời.  **Câu 3:**  - Câu chuyện buồn cười ở tính keo kiệt của anh chàng nọ. Cách sử dụng động từ “cầm” và “đưa” thể hiện hai ý nghĩa hoàn toàn trái ngược nhau. “Cầm” là nhận từ người khác, còn “đưa” mang nghĩa trao cho người khác.  **Câu 4:**  - Truyện Treo biển đã phê phán những người thiếu lập trường |

***4. Củng cố:*** cấu tạo của cụm động từ.

Ngày giảng: ngày 29 tháng 12 năm 2018

**TUẦN 17**

Tiết 33, 34 :  **TÍNH TỪ VÀ CỤM TÍNH TỪ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức** :

- Nắm được đặc điểm cơ bản của tính từ và một số loại tính từ cơ bản.

- Nắm được cấu tạo của cụm tính từ.

**2. Kĩ năng** :

- Luyện kĩ năng nhận biết, phân loại, phân tích tính từ và cụm tính từ, sử dụng tính từ và cụm tính từ để dặt câu, viết đoạn

**3.Thái độ**: Sử dụng cụm tính từ khi giao tiếp

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Gv cho hs ôn lại kiến thức truyền thuyết  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1**: Bài 1 (trang 155 sgk ngữ văn 6 tập 1)  **Câu 2:** (trang 156 sgk ngữ văn 6 tập 1)  **Câu 3:** (Trang 156 sgk ngữ văn 6 tập 1)  **Câu 4 :** Bài 4 (trang 157 sgk ngữ văn 6 tập 1) | - Hs trả lời lý thuyết.  - Hs làm bài tập  - HS phát hiện và chữa các lỗi dùng từ  - Hs trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời | **I. Lý thuyết**  - Khái niệm về tính từ  - Các loại tính từ  - Mô hình cụm tính từ  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  Các cụm tính từ:  - chần chẫn như cái đòn càn  - sun sun như con đỉa  - bè bè như cái quạt thóc  - sừng sững như cái cột đình  - tun tủn như cái chổi sể cùn  **Câu 2**:  - Các tính từ: sun sun, chần chẫn, bè bè, sừng sững, tun tủn  - Các sự vật được đem so sánh với con voi như là những sự vật quen thuộc hằng ngày nhỏ bé, tầm thường so với thực tế đồ sộ của con voi  → Điều này tố cáo sự hiểu biết nông cạn, eo hẹp, phiến diện của các ông thầy bói.  **Câu 3:**  - Những động từ và tính từ được dùng qua năm lần, theo mức độ tăng tiến: từ gợn sóng cho tới nổi sóng dữ dội  Hình ảnh dữ dội của con sóng tăng tiến: êm ả → nổi sóng dữ dội → nổi sóng mù mịt → nổi sóng ầm ầm  - Ý nghĩa biểu tượng sóng: là thái độ, sự phản ứng của nhân dân trước sự tham lam của mụ vợ ông lão đánh cá.  **Câu 4:**  - Các cách liệt kê tính từ được sử dụng qua mỗi lần như sau:  + Sứt mẻ → mới → sứt mẻ  + Nát → đẹp → to lớn → nguy nga → nát  Các tính từ thể hiện sự thay đổi rõ rệt trong cuộc sống của vợ chồng ông lão đánh cá:  + Nghèo khổ → giàu sang → nghèo khổ |

***4. Củng cố:*** đặc điểm cơ bản của tính từ và một số loại tính từ cơ bản

Ngày giảng: ngày 5 tháng 1 năm 2021

**TUẦN 18**

Tiết 35,36: **KIỂM TRA HỌC KÌ I**